

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 11/8/2022  
của UBND tỉnh Quảng Nam)*

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Chương trình NTM) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 với các nội dung như sau:

#### **I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

##### **1. Quan điểm**

- Xây dựng nông thôn mới (NTM) là một quá trình lâu dài, thường xuyên và liên tục, có điểm bắt đầu nhưng không có điểm kết thúc, theo nguyên tắc “*Nông thôn mới là nền tảng, cơ cấu lại nông nghiệp là căn bản, nhân dân là chủ thể*”. Do đó, cần phát huy những kết quả đạt được của 10 năm qua để tiếp tục xây dựng NTM toàn diện, bền vững, đi vào chiều sâu, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của người dân nông thôn so với giai đoạn trước. Xây dựng NTM phải gắn với công nghiệp hóa nông nghiệp, đô thị hóa nông thôn; đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị, phát triển hài hòa kinh tế, xã hội và môi trường; thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền; tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, trong đó, quan tâm hoàn thiện và cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu của các xã khó khăn, đặc thù, vùng sâu, vùng xa, đặc biệt, ưu tiên hỗ trợ hoàn thiện cơ sở hạ tầng thôn; tăng cường phát triển dịch vụ thương mại nông thôn; phát huy tính chủ động sáng tạo của địa phương, sự vào cuộc của các tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức quốc tế.

- Xây dựng NTM phải gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông nghiệp và phát triển nông thôn, hướng tới xây dựng nông thôn mới thông minh. Chú trọng cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng chuyển đổi mạnh mẽ từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng NTM theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp bền vững, kinh tế tuần hoàn, gia tăng giá trị, khả năng tiêu thụ nông sản và tăng thu nhập bình quân của nông dân, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng NTM chú trọng bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan nông thôn, các giá trị tốt đẹp về văn hóa, con người Việt Nam được bảo tồn và phát huy, người dân được tiếp cận chất lượng dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe tốt, thúc đẩy bình

đẳng giới, gìn giữ và vun đắp hệ giá trị gia đình Việt Nam; tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; quốc phòng, an ninh trật tự được giữ vững, nhất là an ninh trật tự xã hội nông thôn. Phát huy nền tảng, sức mạnh toàn dân, tinh thần đoàn kết và vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM theo phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”.

## 2. Mục tiêu

### 2.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục xây dựng nông thôn mới (NTM) trở thành một Chương trình phát triển nông thôn toàn diện, đáp ứng các mục tiêu của phát triển bền vững ở tất cả các cấp, với mục tiêu nâng cao số xã, số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; duy trì thành quả và nâng cao chất lượng tiêu chí đối với xã đã đạt chuẩn NTM nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. Phát huy và nhân rộng những kết quả tích cực của giai đoạn trước, khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền, giữa nông thôn và đô thị, kết nối đồng bộ nông thôn - đô thị và kết nối liên vùng, phát triển hài hòa kinh tế, xã hội và môi trường nông thôn. Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế nông thôn, lấy phát triển sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp bền vững, hỗ trợ sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển du lịch nông thôn làm nền tảng cơ bản gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ và phù hợp với quá trình đô thị hóa; chú trọng bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống; tiếp tục gắn kết chặt chẽ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới với 02 Chương trình MTQG còn lại (*Giảm nghèo bền vững và Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*) để thúc đẩy nông thôn phát triển.

### 2.2. Mục tiêu cụ thể

#### 2.2.1. Đối với cấp xã

a) Xã nông thôn mới: Phần đầu đến cuối năm 2025 có thêm ít nhất 42 xã đạt chuẩn nông thôn mới; đồng thời, duy trì, nâng chuẩn 113 xã đã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020 theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2021-2025, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM lên ít nhất 155 xã/194 xã, chiếm tỷ lệ 80%.

b) Bình quân số tiêu chí đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh trên 17,5 tiêu chí/xã. Trong đó: khu vực miền núi cao: bình quân 15,5 tiêu chí/xã; khu vực miền núi thấp: bình quân 18,5 tiêu chí/xã; khu vực đồng bằng: 19 tiêu chí/xã. Không còn huyện không có xã đạt chuẩn NTM, không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí.

c) Xã NTM nâng cao: Phần đầu đến cuối năm 2025, có thêm ít nhất 58 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; đồng thời, duy trì 06 xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao để nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 lên ít nhất 64 xã, chiếm tỷ lệ ít nhất 40%.

d) Xã NTM kiểu mẫu: Tiếp tục xây dựng xã NTM kiểu mẫu đối với các xã đã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao. Phần đầu đến cuối năm 2025, có thêm ít nhất 15 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; đồng thời, duy trì 01 xã đã đạt chuẩn

NTM kiểu mẫu, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 lên ít nhất 16 xã, chiếm tỷ lệ ít nhất 10%.

#### 2.2.2. Đối với cấp huyện

a) Đối với huyện NTM: Phân đầu đến cuối năm 2025 có thêm ít nhất từ 03-04 huyện đạt chuẩn NTM, nâng tổng số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM và hoàn thành nhiệm vụ NTM lên ít nhất 08-09 đơn vị cấp huyện, cụ thể:

Giai đoạn 2023-2024, gồm 2 huyện: Núi Thành, Tiên Phước.

Giai đoạn 2024-2025, gồm 3 huyện: Nông Sơn, Quế Sơn, Đại Lộc.

b) Đối với huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu: Phân đầu đến cuối năm 2025, có 02-03 huyện đạt chuẩn huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu, cụ thể:

Tiếp tục duy trì theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2021-2025 và phân đầu đạt chuẩn huyện NTM nâng cao giai đoạn 2024-2025, gồm 2 huyện: Phú Ninh, Duy Xuyên.

Phân đầu đạt chuẩn huyện NTM kiểu mẫu về phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại, du lịch sinh thái giai đoạn 2021- 2025: huyện Tiên Phước.

c) Thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM:

Tiếp tục duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí NTM cấp huyện giai đoạn 2021-2025: thành phố Tam Kỳ và thị xã Điện Bàn.

Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2023-2024: thành phố Hội An.

*(Chi tiết lộ trình đạt chuẩn NTM cấp huyện, xã theo Phụ lục I đính kèm)*

#### 2.2.3. Đối với thôn:

Tiếp tục duy trì, nâng chuẩn 172 thôn đã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020 và chỉ đạo, hỗ trợ 171 thôn đã hỗ trợ giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa đạt chuẩn tiếp tục thực hiện để đạt theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

Triển khai thực hiện mới 320 thôn phân đầu đạt chuẩn NTM kiểu mẫu trong giai đoạn 2021-2025. Phân đầu đến cuối năm 2025, tổng số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu đạt tỷ lệ ít nhất 60%, trong đó miền núi đạt ít nhất 50% số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu.

#### 2.2.4. Một số chỉ tiêu khác

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2025 tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020;

- Phân đầu đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo của toàn tỉnh giảm còn 2,87% theo chuẩn nghèo mới (trong đó, tỷ lệ hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội khoảng 1,83%); khu vực đồng bằng còn dưới 1,5%, khu vực miền núi còn khoảng 10%; tỷ lệ nghèo của các huyện nghèo, xã nghèo giảm bình quân từ 3 - 4%/năm; tỷ lệ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm mỗi năm trên 3%/năm.

- Tỷ lệ lao động khu vực nông thôn có bằng cấp, chứng chỉ đạt ít nhất 30%.

- Đến năm 2025, địa bàn nông thôn không còn nhà tạm, nhà dột nát.

- Đến năm 2025, tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt ít nhất 96%, trong đó sử dụng nước sạch đạt ít nhất 60%.

- Đến năm 2025, tỷ lệ dân số ở nông thôn tham gia BHYT đạt 96% trở lên.

- Đến năm 2025, tỷ lệ mạng thông tin ở nông thôn: 100% thôn được phủ sóng 4G, 100% thôn NTM kiểu mẫu có mạng cáp quang; ít nhất 70% xã đã đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện đạt Bộ tiêu chí chuyên đổi số cấp xã (theo Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh).

- Phát triển ít nhất 200 km đường hoa (mỗi xã bình quân ít nhất 1km) và ít nhất 1.000 km đường cây xanh bóng mát.

- Nhân rộng ít nhất 300 mô hình điển hình, tiên tiến trong giai đoạn 2021-2025.

- Củng cố, nâng cấp hơn 200 sản phẩm OCOP đã có và phát triển mới ít nhất 200 sản phẩm, nâng tổng số sản phẩm OCOP đến cuối năm 2025 lên ít nhất 400 sản phẩm; có ít nhất 5 sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, đạt 5 sao, phát triển theo chuỗi giá trị, liên kết chặt chẽ, quy mô lớn và ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản trị chất lượng, tham gia thị trường xuất khẩu.

- 100% cán bộ làm công tác xây dựng NTM được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án của Chương trình NTM; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ xây dựng NTM.

- Phân đấu trở thành tỉnh đạt chuẩn NTM trước năm 2035.

*(Chi tiết giao mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 cho từng địa phương theo Phụ lục II đính kèm)*

## **II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

### **1. Phạm vi thực hiện**

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện trên địa bàn nông thôn của tỉnh (thôn, xã, huyện, thị xã, thành phố).

### **2. Đối tượng thực hiện**

a) Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở.

b) Người dân và cộng đồng dân cư nông thôn.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và các tổ chức kinh tế, xã hội.

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

**3. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2021 đến hết năm 2025.

## **III. CÁC NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH NTM**

Tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả 11 nội dung thành phần trong Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các Đề án,

Chương trình chuyên đề do trung ương, tỉnh phê duyệt phù hợp với tình hình địa phương để phân đầu hoàn thành mục tiêu đề ra, cụ thể:

## **1. Thực hiện 11 nội dung thành phần của Chương trình NTM**

### **1.1. Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng NTM theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá**

a) *Mục tiêu:* Đến năm 2025, có 100% số xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; ít nhất 40% số xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. 100% huyện có quy hoạch vùng huyện được UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 31/12/2023.

b) *Nhiệm vụ:* Rà soát, điều chỉnh quy hoạch cấp xã, huyện đảm bảo xây dựng NTM gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, tạo điều kiện phát triển kinh tế nông thôn và thích ứng với biến đổi khí hậu theo đúng hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Công văn số 2307/BXD-QHKT ngày 27/6/2022. Thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã theo kế hoạch, có thứ tự ưu tiên, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện và các yếu tố phát triển khác. Đối với các xã NTM không nằm trong kế hoạch của tỉnh, tùy thuộc nhu cầu điều chỉnh, các huyện có thể xem xét hình thức rà soát, thay đổi, bổ sung tình trạng pháp lý của các quy hoạch xây dựng xã nông thôn phù hợp quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng.

#### *c) Nội dung:*

- Nội dung 01. Rà soát, điều chỉnh lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) quy hoạch xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa – đô thị hóa (CNH - ĐTH) theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế- xã hội của địa phương. Từng bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng (sau quy hoạch chung xây dựng xã) nhằm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan ở khu vực nông thôn, kiến trúc chính quyền điện tử cấp địa phương (huyện, xã). Tập trung quy hoạch lại các khu cụm dân cư/thôn tại các xã miền núi, biên giới.

- Nội dung 02. Rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình CNH - ĐTH nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM, làm cơ sở lập quy hoạch chung các xã, các đô thị, các khu chức năng thuộc huyện.

- Nội dung 03: Xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh, tạo điều kiện thực hiện Chương trình NTM gắn với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường (bổ sung các định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình NTM vào quy hoạch tỉnh để có cơ sở chỉ đạo, xây dựng cơ chế chính sách, định hướng để thực hiện, phù hợp với định hướng lớn trong quy hoạch tỉnh).

d) *Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:* Sở Xây dựng chủ trì, hướng dẫn nội dung 01 và nội dung 02. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, hướng dẫn nội dung 03 để bổ sung nông thôn mới thuộc một nội dung của quy hoạch tỉnh.

đ) *Kinh phí thực hiện:* Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ và đối ứng từ ngân sách cấp huyện và kinh phí hỗ trợ quy hoạch (01 tỷ

đồng/huyện/năm) tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh.

## **1.2. Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền**

### *a) Mục tiêu:*

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về Giao thông, tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai, tiêu chí số 4 về Điện, tiêu chí số 5 về Trường học, tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hoá, tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông, tiêu chí số 15 về Y tế, tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về Giao thông, tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai, tiêu chí số 4 về Điện, tiêu chí số 5 về Giáo dục, tiêu chí số 6 về Văn hoá, tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông, tiêu chí số 17 về Môi trường, tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về Giao thông, tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai, tiêu chí số 4 về Điện, tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hoá - Giáo dục, tiêu chí số 6 về Kinh tế, tiêu chí số 7 về Môi trường, tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về Giao thông, tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai, tiêu chí số 4 về Điện, tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hoá - Giáo dục, tiêu chí số 6 về Kinh tế, tiêu chí số 7 về Môi trường, tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

### *b) Nhiệm vụ:*

- Đối với cấp xã: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng cơ bản phục vụ sản xuất và dân sinh ở nông thôn (giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, nước sạch tập trung, mạng thông tin truyền thông...), nâng cao hiệu quả công tác quản lý, khai thác công trình đảm bảo bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó:

+ Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi ở những địa bàn khó khăn do đặc thù về điều kiện địa hình, địa chất, vùng chịu ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, tạo sức bật để các địa phương khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế sẵn có, đặc biệt là các xã chưa đạt chuẩn NTM; hỗ trợ hoàn thiện các công trình hạ tầng thiết yếu ở thôn gắn với thực hiện tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu;

+ Hỗ trợ các xã xây dựng NTM nâng cao để hoàn thiện, bảo trì hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu theo hướng nâng cao chất lượng và bền vững;

+ Hỗ trợ các xã NTM kiểu mẫu để thực hiện các nội dung kiểu mẫu theo lĩnh vực nổi trội.

- Cấp huyện: Chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị, từng bước bắt kịp tốc độ phát triển chung

của vùng, tạo kết nối đồng bộ, nhất là kết nối liên xã, liên huyện. Ưu tiên đầu tư hình thành và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thu mua, kết nối, cung ứng nông sản hiện đại, cơ sở hạ tầng chế biến, thương mại và dịch vụ gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn.

- Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng về nước sạch, đặc biệt là các công trình nước sạch tập trung nhằm nâng cao tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định; khuyến khích các mô hình đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung theo hình thức xã hội hóa, có sự tham gia của doanh nghiệp và cộng đồng, đối với vùng sâu, vùng xa xem xét sử dụng nguồn đầu tư công để đầu tư hệ thống nước sạch; thực hiện các mô hình cấp nước uống cho trường học, trạm y tế tại các xã đảo, xã đặc biệt khó khăn.

*c) Nội dung:*

- Nội dung 01. Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có ít nhất 92% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: Có ít nhất 40% huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; ít nhất 20% huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao;

- Nội dung 02. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp huyện, xã, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có ít nhất 94% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: Có ít nhất 40% huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; ít nhất 20% huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 03. Cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, ổn định và đảm bảo mỹ quan. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có ít nhất 60% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: Có ít nhất 60% huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; ít nhất 30% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao; hướng đến 100% hộ gia đình nông thôn tiếp cận được nguồn điện ổn định, chất lượng.

- Nội dung 4: Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các công trình trường học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học đảm bảo đạt chuẩn về cơ sở vật chất theo quy định tại

Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện có hiệu quả công tác định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về trường học theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về Giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: Có ít nhất 40% số huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 5.3 của tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 5.4 của tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 05. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn, hỗ trợ trang thiết bị và kinh phí hoạt động cho thiết chế văn hóa - thể thao. Xây dựng các Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện và có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả. Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa trên địa bàn gắn với phát triển du lịch nông thôn. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về Văn hóa theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: Có ít nhất 40% số huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 5.2 của tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 5.2, 5.3 của tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 06. Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã; các chợ trung tâm, chợ đầu mối/Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp; hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có ít nhất 96% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Bộ tiêu chí quốc gia xã NTM; ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Bộ tiêu chí quốc gia xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: Có ít nhất 50% số huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 6.2, 6.4 của tiêu chí 6 về Kinh tế theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn tiêu chí chỉ tiêu 6.3 của tiêu chí số 6 về Kinh tế theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 07. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị, cơ sở hạ tầng các cụm làng nghề, ngành nghề nông thôn. Đến năm 2025: Có ít nhất 40% số huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 6.3 của tiêu chí số 6 về Kinh tế theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 6.2, 6.4 của tiêu chí số 6 về Kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 08: Tiếp tục xây dựng, cải tạo và nâng cấp về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trong đó tập trung cho các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, xã hải đảo, các xã thuộc vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn; ưu



tiên triển khai hiệu quả Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn. Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đạt chuẩn cho các Trung tâm Y tế huyện. Đến năm 2025, có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; ít nhất 40% số huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 5.1 của tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

- Nội dung 09. Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn (theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ), chú trọng thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chính quyền số (mạng LAN, trang thiết bị máy tính, camera, wifi tại UBND xã, nhà văn hóa, trường học, trạm y tế), cơ sở dữ liệu đồng bộ, phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn; tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, trong đó tiếp tục phát triển, nâng cấp các đài truyền thanh xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông có cụm loa hoạt động đến thôn; phát triển, duy trì các điểm cung cấp dịch vụ truyền thông đa phương tiện tại các điểm phục vụ bưu chính nhằm nâng cao khả năng phục vụ người dân tiếp cận các dịch vụ công, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ báo chí, xuất bản và các dịch vụ thông tin và truyền thông khác; đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ xã, huyện về kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin đáp ứng quy định; phổ biến kiến thức sử dụng máy tính và các ứng dụng công nghệ thông tin cho người dân khu vực nông thôn để nâng cao khả năng tiếp cận thông tin. Đến năm 2025, có ít nhất 95% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Nội dung 10. Tập trung xây dựng hệ thống nước sạch nông thôn, trong đó ưu tiên xây dựng và nâng cấp hệ thống các công trình nước sinh hoạt tập trung, đảm bảo chất lượng nước sạch theo quy định; tăng cường công tác quản lý, vận hành và khai thác công trình đảm bảo bền vững. Đến năm 2025: Cấp xã: Có ít nhất 83% số xã đạt chỉ tiêu 17.1 của tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; ít nhất 40% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.3 của tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao; cấp huyện: Ít nhất 40% số huyện đạt chỉ tiêu 8.1, 8.2 của tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; ít nhất 20% số huyện đạt tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 11. Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; thu hút các doanh nghiệp đầu tư các khu xử lý chất thải tập trung quy mô liên huyện, liên tỉnh; đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng các mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô tập trung (cấp huyện và liên huyện), ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; đầu tư, cải tạo, nâng cấp đồng bộ hệ thống thu gom, thoát nước thải và các công

trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và tại chỗ phù hợp; trong đó có phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn. Đến năm 2025: Cấp xã: Có ít nhất 83% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; ít nhất 40% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về Môi trường theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao; Cấp huyện: Có ít nhất 40% số huyện đạt tiêu chí số 7 về Môi trường theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có ít nhất 20% số huyện đạt tiêu chí số 7 về Môi trường theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

*d) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:*

- Sở Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện nội dung số 01.
- Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện các nội dung số: 02, 07, 10; hướng dẫn Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp cấp huyện;
- Sở Công Thương hướng dẫn thực hiện các nội dung số 03, 06.
- Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện nội dung số 04.
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện nội dung số 05.
- Sở Y tế hướng dẫn thực hiện nội dung số 08.
- Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện nội dung số 09.
- Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện nội dung số 11.

*đ) Kinh phí thực hiện:*

- Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và đối ứng từ ngân sách cấp huyện, xã từ Chương trình NTM.
- Vốn từ Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng DTTS và miền núi hỗ trợ các công trình cơ sở hạ tầng cấp xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng DTTS và MN;
- Vốn từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững hỗ trợ các công trình cơ sở hạ tầng các huyện nghèo;
- Vốn từ Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn (từ Ngân hàng phát triển Châu Á - ADB);
- Vốn huy động từ doanh nghiệp, tổ chức theo hình thức xã hội hóa đầu tư các công trình điện, thương mại nông thôn;
- Vốn huy động từ người dân, cộng đồng dân cư;
- Nguồn lồng ghép các Chương trình, dự án, Đề án theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh.

**1.3. Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững**

*a) Mục tiêu:*

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 về Thu nhập, tiêu chí số 12 về Lao động, tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; tiêu chí số 10 về Thu nhập, tiêu chí số 12 về Lao động, tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao; tiêu chí số 6 về Kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; tiêu chí số 6 về Kinh tế, thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025:

+ Có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về Thu nhập; ít nhất 95% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về Lao động; ít nhất 83% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có ít nhất 40% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về Thu nhập; ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về Lao động; ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Có ít nhất 40% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về Kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 20% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về Kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao;

+ Diện tích trồng trọt, nuôi trồng thủy sản áp dụng quy trình thực hành tốt duy trì tốc độ tăng trưởng ít nhất 10%/năm; triển khai các vùng nông nghiệp có mã số vùng trồng; triển khai hiệu quả công tác bảo vệ và phát triển rừng, góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng đạt 61% đến năm 2025; đẩy mạnh diện tích được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững đến năm 2025; phấn đấu đến năm 2025, hoàn thành mục tiêu trồng cây xanh của tỉnh theo Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021- 2025”; nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản đạt từ 20%/năm trở lên; tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ khu vực nông nghiệp, nông thôn tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm nông sản đạt ít nhất 60%; tăng ít nhất 40% số khu, điểm du lịch nông thôn được công nhận so với cuối năm 2020.

*b) Nhiệm vụ:*

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng đảm bảo thực chất, hiệu quả theo hướng kinh tế tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp bền vững, nông nghiệp sinh thái gắn với thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế số.

- Thúc đẩy phát triển các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, cơ giới hóa đồng bộ gắn với các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chú trọng phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái theo hướng kinh tế tuần hoàn, thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp gắn với áp dụng các qui trình kỹ thuật chuẩn, cấp mã vùng sản xuất và truy xuất nguồn gốc, gắn với sản xuất đạt tiêu chuẩn GAP, hữu cơ (hoặc các tiêu chuẩn khác).

- Tiếp tục phát triển các sản phẩm, ngành nghề nông thôn; thực hiện hiệu quả Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025 gắn với

phát triển kinh tế số, nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu; thúc đẩy phát triển dịch vụ du lịch NTM, cộng đồng du lịch và điểm dịch vụ du lịch NTM.

- Chỉ đạo, hỗ trợ trồng rừng, bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp bền vững, đẩy nhanh tiến độ trồng cây xanh phân tán khu vực nông thôn; phấn đấu đến năm 2025 có ít nhất 20% diện tích (30.000 ha) đất có rừng trồng sản xuất được cấp giấy chứng chỉ rừng bền vững theo tiêu chuẩn, tiêu chí của quản trị rừng quốc tế (FSC); nâng cao năng suất, chất lượng rừng, phấn đấu diện tích rừng gỗ lớn chiếm ít nhất 20% diện tích rừng sản xuất; chăn nuôi an toàn sinh học; phát huy lợi thế về tài nguyên biển để phát triển nuôi trồng và khai thác thủy, hải sản theo hướng hiệu quả, bền vững.

- Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản; thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn đầu tư vào nông nghiệp quy mô lớn, lĩnh vực chế biến nông sản và lĩnh vực phi nông nghiệp, tạo nhiều việc làm. Hình thành hệ thống trung tâm kết nối, xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm gắn với chuỗi các chợ đầu mối hoặc trung tâm cung ứng hàng nông sản. Diện tích gieo trồng (hoặc tỷ lệ giá trị sản phẩm) được sản xuất dưới các hình thức liên kết đạt trên 20% các loại cây trồng. Diện tích gieo trồng (hoặc tỷ lệ giá trị sản phẩm) sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương đạt trên 10% (diện tích trên 10.000ha, bao gồm cả cây dược liệu).

- Đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn gắn với nhu cầu của thị trường và doanh nghiệp; chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn sang phát triển làng nghề tiêu thủ công nghiệp và dịch vụ nông nghiệp, nông thôn.

- Phấn đấu giá trị sản xuất ngành nông lâm, thủy sản đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm 3,5% giai đoạn 2021 - 2025. Năm 2025, tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm 53,25%, thủy sản chiếm 31,54%, lâm nghiệp chiếm 15,21% trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (tính theo giá cố định 2010). Nâng giá trị trên 01 ha canh tác cây hằng năm đạt trên 110 triệu đồng/ha. Ứng dụng cơ giới hóa trên cây lúa đạt 90%; ứng dụng cơ giới hóa vùng chuyên canh, vùng sản xuất giống lúa, ngô, rau thực phẩm, dược liệu giống trên 95%. Tỷ lệ diện tích sản xuất được tưới tiết kiệm đạt trên 20%. Phấn đấu nâng tỷ trọng chăn nuôi đạt 35% trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp.

- Đến năm 2025, có 50% số cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (NTTS) tập trung, diện tích sản xuất các nông phẩm hàng hóa tập trung có xuất khẩu hoặc liên kết tiêu thụ trong nước, được cấp mã số vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc, đạt tiêu chuẩn GAP/hoặc các tiêu chuẩn khác.

#### *c) Nội dung:*

- Nội dung 01. Tập trung triển khai các nội dung cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp bền vững gắn với phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và hạ tầng kinh tế xã hội.

- Nội dung 02. Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng sản xuất tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng, qui trình kỹ thuật chuẩn, cấp mã vùng sản xuất và truy xuất nguồn gốc, gắn với sản xuất đạt tiêu chuẩn GAP, hữu cơ (hoặc các tiêu chuẩn khác); ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn.

- Nội dung 03. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách đầu tư bảo vệ, phát triển rừng, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ; chú trọng đẩy mạnh phát triển các mô hình liên kết trồng rừng gỗ lớn tập trung, gắn với cấp chứng chỉ rừng bền vững; phát triển lâm sản ngoài gỗ theo thế mạnh của từng vùng.

- Nội dung 04. Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm, đặc sản địa phương, ngành nghề nông thôn theo Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với xây dựng phát triển dịch vụ, du lịch, phát triển kinh tế số ở nông thôn; phát triển tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn. Tập trung phát triển kinh tế vườn - kinh tế trang trại giai đoạn 2021-2025 theo cơ chế HĐND tỉnh đã ban hành tại Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND, tạo cảnh quan môi trường và nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao ý thức sản xuất các sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Nội dung 05. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất và hợp tác xã, thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh*), trong đó, ưu tiên các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết với các doanh nghiệp trong tiêu thụ nông sản, thích ứng với cơ chế thị trường; thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, theo hướng liên kết chuỗi giá trị; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp.

- Nội dung 06. Xây dựng, phát triển các kênh phân phối, mô hình kết nối, xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp, nông thôn gắn với chuỗi các chợ đầu mối, trung tâm cung ứng nông sản hiện đại, hệ thống hạ tầng thương mại hiện đại; đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn (cán bộ quản lý chợ, hộ kinh doanh tại chợ, hộ kinh doanh tại địa bàn nông thôn) gắn với nhu cầu thị trường. Triển khai thực hiện tốt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

- Nội dung 07. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 gắn với yêu cầu, bối cảnh và thách thức mới (đô thị hóa, hội nhập quốc tế, biến đổi khí hậu...). Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025 theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-

HĐND ngày 12/7/2019 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND ngày 12/01/2022 của HĐND tỉnh Quảng Nam (Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2019/NQHĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019-2025) và Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam”.

- Nội dung 08. Thực hiện hiệu quả Chương trình Phát triển du lịch nông thôn (gồm: *Du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, du lịch làng nghề*) trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị, trong đó tập trung:

+ Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống điểm đến và sản phẩm du lịch nông thôn đặc trưng gắn với xây dựng NTM, ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch như sinh thái nông nghiệp, nghỉ dưỡng nông thôn, trải nghiệm văn hóa, ẩm thực, chăm sóc sức khỏe, du lịch nông thôn; phát triển hàng hóa nông nghiệp phục vụ tiêu dùng du lịch: quà tặng, lưu niệm, trang trí; mỹ phẩm, dược phẩm chăm sóc sức khỏe;

+ Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch nông thôn; hỗ trợ mô hình liên kết phát triển du lịch và nông nghiệp, du lịch nông thôn; tổ chức hoạt động xúc tiến, quảng bá điểm đến và sản phẩm du lịch nông thôn;

+ Triển khai hiệu quả Đề án/Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Nội dung 09. Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường, HTX và doanh nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ nông thôn; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn:

+ Đánh giá nhu cầu đào tạo nghề, phát triển đa dạng và nâng cao các hình thức đào tạo gắn với bằng cấp, chứng chỉ...

+ Đào tạo, bồi dưỡng, tăng cường năng lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề cho lao động nông thôn ở trong và ngoài nước; phát triển Chương trình, giáo trình, tài liệu học nghề; số hóa các chương trình đào tạo nghề, đa dạng hóa các loại hình đào tạo (theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn);

+ Hỗ trợ xây dựng các Chương trình, mô hình khởi nghiệp, sáng tạo trong nông thôn gắn với phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm, phát triển Hợp tác xã; hỗ trợ xây dựng các Chương trình, mô hình khởi nghiệp, sáng tạo trong nông thôn gắn với phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn, OCOP. Lòng ghép có hiệu quả Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 02/11/2020 của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ xây dựng Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021 - 2025 để phát triển các dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp trong xây dựng NTM.

+ Tiếp tục hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện đào tạo nghề nông thôn, ưu tiên ở các vùng khó khăn; xây dựng mới danh mục nghề, quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu năng lực người học đạt được sau đào tạo (chuẩn đầu ra), định mức kinh tế - kỹ thuật cho một số ngành nghề phổ biến, có nhu cầu sử dụng nghiêm túc, đáp ứng yêu cầu của cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực từng bước chuyển dịch lao động nông nghiệp sang tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp, dịch vụ nông thôn;

+ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, công nghệ cao;

+ Xây dựng các mô hình đào tạo nghề; tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

+ Hỗ trợ phát triển thị trường lao động khu vực nông thôn; hỗ trợ lao động nông thôn tìm kiếm, kết nối việc làm thông qua các Trung tâm dịch vụ việc làm; hỗ trợ lao động nông thôn học nghề, học ngoại ngữ để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Điều tra, khảo sát, dự báo, đánh giá nhu cầu đào tạo, khả năng đào tạo ngành nghề của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp, tạo việc làm cho lao động nông thôn.

*d) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:*

- Sở Nông nghiệp và PTNT: Chủ trì và hướng dẫn thực hiện các nội dung số 01, 02, 03, 04; chủ trì, phối hợp với Liên minh HTX tỉnh và Sở ngành liên quan hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp thuộc nội dung 05; phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện nội dung 07.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện nội dung số 06;

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh hướng dẫn thực hiện nội dung số 08 về Phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng NTM.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT và hướng dẫn thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc nội dung 05.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện nội dung số 09, chỉ đạo và chịu trách nhiệm chung về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chỉ đạo tổ chức đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Ban Điều hành Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo và chịu trách nhiệm về: Hỗ trợ xây dựng các Chương trình, mô hình khởi nghiệp, sáng tạo trong nông thôn gắn với phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

- Các tổ chức chính trị, xã hội (*Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh...*) chủ trì và hướng dẫn các tổ chức trực thuộc triển khai Chương trình khởi nghiệp sáng tạo gắn với Chương trình Mỗi xã một sản phẩm, phát triển hợp tác xã, du lịch nông thôn; tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho thanh niên, phụ nữ, nông dân nông thôn.

*đ) Kinh phí thực hiện:*

- Vốn ngân sách Trung ương của Chương trình NTM; vốn ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã);

- Vốn tín dụng hỗ trợ phát triển sản xuất; vốn doanh nghiệp, hợp tác xã...;

- Sự nghiệp nông nghiệp hằng năm; vốn Chương trình khuyến nông; khuyến công; Chương trình KHCN;

- Vốn sự nghiệp từ Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng DTTS và miền núi; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững;

- Vốn từ các Chương trình, Đề án, dự án có liên quan thực hiện trên địa bàn nông thôn.

#### **1.4. Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

*a) Mục tiêu:* Đạt yêu cầu của tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư và 11 về Nghèo đa chiều trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, ít nhất 93% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư, 80% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; ít nhất 70% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư, ít nhất 70% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

*b) Nhiệm vụ:* Nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm hướng đến giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững.

*c) Nội dung:*

- Nội dung 01. Thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Nội dung 02. Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, dột nát. Hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi góp phần thực hiện tiêu chí nhà ở dân cư.

*d) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:*

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì và hướng dẫn thực hiện nội dung số 01 về Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các chính sách an sinh xã hội.

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì và hướng dẫn thực hiện nội dung số 01 về Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.



- Sở Xây dựng chủ trì, hướng dẫn nội dung số 02. Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn nội dung hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi góp phần thực hiện tiêu chí nhà ở dân cư.

*đ) Nguồn vốn thực hiện:*

- Vốn từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững;
- Vốn từ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Vốn hỗ trợ nhà ở và vốn thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo quy định. Vốn hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi.
- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác ngoài ngân sách để thực hiện.

### **1.5. Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn**

*a) Mục tiêu:*

- Đạt yêu cầu của tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo; tiêu chí số 15 về Y tế trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 95% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo; ít nhất 98% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về Y tế theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;

- Đạt yêu cầu của tiêu chí số 5 về Giáo dục; tiêu chí số 14 về Y tế trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về Giáo dục; ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về Y tế theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu của tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 50% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 Y tế - Văn hóa - Giáo dục trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 Y tế - Văn hóa - Giáo dục trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

*b) Nhiệm vụ:* Chú trọng nâng cao hiệu quả của công tác y tế tại tuyến xã và tuyến huyện đảm bảo hiệu quả công tác y tế dự phòng, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục nông thôn.

*c) Nội dung:*

- Nội dung 01. Tổ chức rà soát, sắp xếp lại các trường, điểm trường, lớp học gắn với việc bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh. Tập trung đầu tư để nâng cao chất lượng giáo dục; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, THCS và nâng cao tỷ lệ biết chữ cho người lớn; ưu tiên các chính sách để hỗ trợ cho học sinh vùng còn nhiều khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn ở miền núi, vùng ven biển và hải đảo để nâng cao tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường, đáp ứng yêu cầu thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư và Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam đến 2020 và định

hướng đến 2025. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo lộ trình đề ra. Thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, THPT giai đoạn 2018-2025. Tiếp tục triển khai hiệu quả các Nghị quyết, Đề án của tỉnh đã ban hành liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025; xây dựng Đề án phát triển giáo dục miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

- Nội dung 02. Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; thực hiện tốt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến 2045; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

*d) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:*

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung số 01.

- Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung số 02.

*đ) Nguồn vốn thực hiện:* Vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương; vốn hỗ trợ ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã); sự nghiệp giáo dục, y tế; vốn lòng ghép từ 02 Chương trình MTQG còn lại; các Chương trình, Đề án, dự án trên địa bàn tỉnh.

**1.6. Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển kinh tế du lịch nông thôn.**

*a) Mục tiêu:*

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 về Văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có ít nhất có 95% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về Văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 về Văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về Văn hóa theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu chỉ tiêu 5.2, 5.3 của tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 20% số huyện đạt tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

*b) Nhiệm vụ:* Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa cơ sở để khai thác hiệu quả các hạ tầng, thiết chế văn hóa đã được đầu tư; bảo tồn và phát huy sự đa dạng, phong phú về các giá trị văn hóa ở nông thôn, làm cơ sở để nhân rộng các mô hình trải nghiệm, du lịch NTM.

*c) Nội dung:*

- Nội dung 01. Tiếp tục xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tăng cường nâng cao chất lượng hoạt

động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với tổ chức cộng đồng, kết nối các tầng lớp nhân dân, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho người dân, nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi. Phát động các phong trào rèn luyện thể dục thể thao phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương. Tăng cường nghiên cứu, mở rộng mô hình về phát huy, kết nối thiết chế văn hóa truyền thống và thiết chế văn hóa mới đảm bảo sự đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc. Xây dựng và tổ chức các cuộc thi văn hóa quần chúng trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 theo từng chủ đề.

- Nội dung 02. Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hoá. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống. Khai thác mô hình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống phục vụ cho phát triển du lịch.

- Nội dung 03. Phát triển các mô hình du lịch gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao giá trị kinh tế của các giá trị văn hóa.

*d) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:* Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, hướng dẫn thực hiện 03 nội dung trên. Tỉnh đoàn hướng dẫn xây dựng mô hình thanh niên nông thôn làm kinh tế gắn với phát triển du lịch nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

*đ) Nguồn vốn thực hiện:* Vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương; vốn hỗ trợ ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã); vốn lồng ghép từ các Chương trình, Đề án, dự án trên địa bàn; vốn sự nghiệp văn hóa - thông tin; vốn doanh nghiệp, cộng đồng dân cư.

### **1.7. Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục hình ảnh, cảnh quan truyền thống của nông thôn Quảng Nam**

#### *a) Mục tiêu:*

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM (*trừ chỉ tiêu 17.1*). Đến năm 2025, có ít nhất 83% số xã đạt chuẩn đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu về tiêu chí số 17 về Môi trường và tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về Môi trường; ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 về Môi trường và tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 40% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 về Môi trường, ít nhất 40% số huyện đạt chuẩn của tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống trong Bộ tiêu chí về huyện NTM; ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 về Môi trường, ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống trong Bộ tiêu chí về huyện NTM nâng cao.

*b) Nhiệm vụ:* Tăng cường đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục hình ảnh, cảnh quan truyền thống của nông thôn; xây dựng, tổ chức hướng dẫn thực hiện việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác, đặc biệt là phân loại rác thải tại nguồn; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải và chất thải; thúc đẩy công tác quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường sản xuất nông nghiệp, làng nghề, chất thải rắn và nước thải sinh hoạt; hình thành các mô hình sản xuất sinh thái, an toàn với môi trường...

*c) Nội dung:*

- Nội dung 01: Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh. Thực hiện tốt cơ chế khuyến khích đầu tư, hỗ trợ khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020-2030 tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của HĐND tỉnh.

- Nội dung 02: Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa;

- Nội dung 03: Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên;

- Nội dung 04: Cải tạo nghĩa trang phù hợp với cảnh quan môi trường; xây dựng mới và mở rộng các cơ sở mai táng phù hợp với các quy định và theo quy hoạch;

- Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Quảng Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu;

- Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cải thiện vệ sinh hộ gia đình;

- Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025”.

*d) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:*

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01, 03; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện nội dung 07;

- Sở Xây dựng chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 04;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung 02, 05, 07; nội dung đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản thuộc nội dung số 06;
- Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cải thiện vệ sinh hộ gia đình thuộc nội dung thành phần số 06.

*đ) Nguồn vốn thực hiện:* Vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương; vốn hỗ trợ ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã); vốn lồng ghép từ các Chương trình, Đề án, dự án trên địa bàn; vốn doanh nghiệp, cộng đồng dân cư.

**1.8. Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.**

*a) Mục tiêu:*

- Đạt yêu cầu chỉ tiêu tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông, tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 95% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về Thông tin truyền thông; ít nhất 95% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông, tiêu chí số 15 về Hành chính công, tiêu chí 16 về Tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, ít nhất 70% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông, ít nhất 70% số xã đạt tiêu chí số 15 về Hành chính công; ít nhất 80% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị, an ninh, trật tự, hành chính công trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM và tiêu chí số 9 về An ninh, trật tự, hành chính công trong Bộ tiêu chí quốc gia huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 40% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị, an ninh, trật tự, hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 về An ninh trật tự, hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

*b) Nhiệm vụ:* Tăng cường nâng cao chất lượng cán bộ, dịch vụ hành chính công và khả năng tiếp cận pháp luật của người dân; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ số, nhằm xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, hiệu quả ở khu vực nông thôn, góp phần thực hiện thành công chuyển đổi số quốc gia và hướng tới xây dựng NTM thông minh.

*c) Nội dung:*

- Nội dung 01. Hướng dẫn cấp huyện, cấp xã thực hiện đồng bộ các giải pháp về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí đối với đội ngũ cán bộ, công chức

xã để đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của tiêu chí NTM theo quy định của Trung ương, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM. Xây dựng Kế hoạch để luân chuyển công chức cấp huyện có kinh nghiệm, năng lực về đảm trách vị trí lãnh đạo chủ chốt xã (đặt biệt Chủ tịch UBND xã) hoặc biệt phái có thời hạn công chức cấp huyện về UBND xã để hỗ trợ thực hiện Chương trình NTM nhằm phấn đấu đạt mục tiêu đề ra (*ưu tiên trước cho các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 và các xã dưới 15 tiêu chí để phấn đấu đến năm 2025 không còn xã dưới 15 tiêu chí*).

- Nội dung 02. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh); gán mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam. Lòng ghép có hiệu quả Đề án Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công; đầu tư nâng cấp hạ tầng, cơ sở dữ liệu, các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp. Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn.

- Nội dung 03. Triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021 - 2025; thực hiện tốt Kế hoạch số 2004/KH-UBND ngày 12/4/2021 và Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh.

- Nội dung 04: Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; nâng cao hoạt động trợ giúp pháp lý, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn.

- Nội dung 05: Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý.

- Nội dung 06: Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

*d) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:*

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh hướng dẫn thực hiện các nội dung số 01;

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn nội dung về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh) thuộc nội dung số 02, 03; chủ trì, phối hợp Văn phòng Điều phối NTM tỉnh xây dựng Đề án

chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh (*triển khai Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021 – 2025 của Trung ương*) ở nội dung 03.

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nội dung thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Sở Tư pháp chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung số 04, nội dung 05.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh hướng dẫn thực hiện nội dung 06.

*đ) Nguồn vốn thực hiện:* Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã); vốn từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư; vốn lồng ghép từ các Chương trình, Đề án, dự án trên địa bàn; vốn chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

### **1.9. Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM**

#### *a) Mục tiêu:*

- Đáp ứng yêu cầu của tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 95% số xã đạt tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Tiếp tục triển khai rộng khắp các phong trào thi đua gắn với xây dựng NTM.

*b) Nhiệm vụ:* Tiếp tục triển khai hiệu quả, rộng khắp các phong trào thi đua đến mọi tầng lớp nhân dân.

#### *c) Nội dung:*

- Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM.

- Nội dung 02: Triển khai hiệu quả Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”.

- Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”.

- Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình Trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM.

- Nội dung số 05: Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

*d) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:*

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì, phối hợp với các Hội, đoàn thể hướng dẫn thực hiện nội dung 01.

- Hội Nông dân tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 02.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 03, 05.

- Tỉnh đoàn chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 04.

*đ) Nguồn vốn thực hiện:* Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện xã); vốn huy động từ các tổ chức, cộng đồng dân cư.

### **1.10. Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn**

*a) Mục tiêu:*

- Đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 98% số xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; ít nhất 70% số xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị, an ninh trật tự, hành chính công trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, tiêu chí số 9 về An ninh trật tự, hành chính công trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 60% số huyện đạt tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị, an ninh trật tự, hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; ít nhất 40% đơn vị cấp huyện đạt tiêu chí số 9 về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

*b) Nội dung:*

- Nội dung 01.

+ Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh toàn diện, đảm bảo giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng NTM. Thực hiện tốt Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh về tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025.

+ Thực hiện toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới trong tình hình mới.

- Nội dung 02. Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại



chỗ”, hạn chế để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự...; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự quản, tự vệ, tự hoà giải...; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

*c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:*

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì hướng dẫn thực hiện nội dung số 01.

Đối với địa bàn các xã biên giới, ven biển, hải đảo, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh hướng dẫn thực hiện nội dung: Thực hiện toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới trong tình hình mới.

- Công an tỉnh chủ trì hướng dẫn thực hiện nội dung số 02.

*d) Nguồn vốn thực hiện:* Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện xã); nguồn chi quốc phòng, an ninh; vốn huy động từ các tổ chức, cộng đồng dân cư.

**1.11. Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình NTM; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua Cả nước chung sức xây dựng NTM.**

*a) Mục tiêu:* Đảm bảo 100% cán bộ chuyên trách xây dựng NTM các cấp, 100% cán bộ trong hệ thống chính trị tham gia chỉ đạo xây dựng NTM được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Văn phòng Điều phối NTM các cấp; triển khai sâu rộng Phong trào thi đua Quảng Nam chung sức xây dựng NTM từ tỉnh đến cơ sở.

*b) Nội dung:*

- Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình NTM; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng.

- Nội dung 02: Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở.

- Nội dung 03: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM.

- Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả Chương trình truyền thông về xây dựng NTM.

- Nội dung 05: Tiếp tục triển khai rộng khắp phong trào thi đua “Quảng Nam chung sức xây dựng nông thôn mới”.

*c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:*

- Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01, 02; chủ trì, phối hợp với Hội Nông dân tỉnh hướng dẫn thực hiện nội dung 03; chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện nội dung 04.

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối NTM tỉnh hướng dẫn thực hiện nội dung 05.

*d) Nguồn vốn thực hiện:* Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện xã); vốn huy động từ các tổ chức, cộng đồng dân cư.

## **2. Thực hiện các chương trình, kế hoạch chuyên đề**

Tổ chức thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch chuyên đề, cụ thể:

### **2.1. Các Chương trình chuyên đề do Trung ương ban hành**

- Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025: Văn phòng Điều phối NTM tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu tổ chức thực hiện.

- Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025: Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp các Sở, ngành tham mưu tổ chức thực hiện.

- Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025: Văn phòng Điều phối NTM tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế tham mưu tổ chức thực hiện.

- Chương trình phát triển du lịch nông thôn gắn với bảo tồn, phát huy văn hoá truyền thống trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tham mưu tổ chức thực hiện.

- Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025: Văn phòng Điều phối NTM tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu tổ chức thực hiện.

- Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tham mưu tổ chức thực hiện.

### **2.2. Chương trình, Kế hoạch do tỉnh ban hành**

- Kế hoạch phát động và tổ chức cuộc thi trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025: Văn phòng Điều phối NTM tỉnh chủ trì, phối hợp các Sở, ngành tham mưu tổ chức thực hiện.

- Chương trình truyền thông về Chương trình NTM trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025: Văn phòng Điều phối NTM tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tham mưu tổ chức thực hiện.

- Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các Sở, ngành tham mưu tổ chức thực hiện.

- Kế hoạch Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Nam trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025: Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp các Sở, ngành tham mưu tổ chức thực hiện.

- Kế hoạch thực hiện Phong trào thi đua “Quảng Nam chung sức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam” giai đoạn 2021-2025: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tham mưu tổ chức thực hiện.

#### **IV. HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NTM**

##### **1. Các nguồn lực huy động**

##### **1.1. Nguồn vốn trực tiếp của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ ngân sách nhà nước các cấp**

a) Ngân sách Trung ương: 804,758 triệu đồng

- Vốn đầu tư phát triển: 671.840 triệu đồng

- Kinh phí sự nghiệp: Dự kiến 132.918<sup>(1)</sup> triệu đồng.

b) Đối ứng ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã)

Tổng ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) đối ứng tối thiểu gấp 1,5 lần (tỷ lệ 1,5:1) tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Đối ứng ngân sách tỉnh: Ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu 1.326.000 triệu đồng trong giai đoạn 2021-2025 (vốn đầu tư phát triển là 630.000 triệu đồng và vốn sự nghiệp là 696.000 triệu đồng). Trong quá trình điều hành ngân sách, UBND tỉnh cân đối các nguồn vốn trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nguồn lực cho Chương trình MTQG xây dựng NTM ngoài mức đối ứng ngân sách tỉnh nêu trên, phân đấu mức cân đối bổ sung bằng hoặc cao hơn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 đã bố trí.

- Đối ứng ngân sách cấp huyện, xã

+ Đối ứng theo tiêu chí, định mức

. Đối với 09 huyện, thị xã, thành phố khu vực đồng bằng (Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Phú Ninh, Núi Thành): Ngân sách cấp huyện, xã đối ứng ít nhất 30% trên tổng ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện.

. Đối với 03 huyện miền núi thấp (Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn): Ngân sách huyện, xã đối ứng ít nhất 20% trên tổng ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện.

---

(<sup>1</sup>) Dự kiến 132,918 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp NSTW giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 56/NQ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Về phương án phân bổ và giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

. Đối với 06 huyện miền núi cao (Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My): Ngân sách huyện, xã đối ứng ít nhất 10% trên tổng ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện.

+ Đối ứng thực hiện các tiêu chí NTM đạt mục tiêu đề ra: Ngoài ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ theo tiêu chí, định mức nêu trên, cấp huyện, xã cân đối ngân sách địa phương để bổ sung nguồn lực thực hiện từ các nguồn sau:

. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung theo tiêu chí, định mức hàng năm;

. Nguồn ngân sách cấp huyện, xã (kể cả nguồn tăng thu, vượt thu, tiết kiệm chi) để tập trung đầu tư trực tiếp cho các tiêu chí xây dựng NTM;

. Nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn;

. Ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng cho ngân sách cấp huyện tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh.

### **1.2. Các nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án**

Các nguồn lồng ghép, đơn vị chủ trì, làm cơ sở chỉ đạo lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình, dự án có cùng nội dung đầu tư để thực hiện các tiêu chí NTM các cấp, trong đó ưu tiên nguồn lực lồng ghép đầu tư cho các huyện, xã, thôn phần đầu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 để đạt mục tiêu đề ra, với tổng kinh phí dự kiến lồng ghép khoảng 5.108 tỷ đồng.

*(Kèm theo Phụ lục III phương án lồng ghép các Chương trình, dự án, Đề án để thực hiện quy hoạch xây dựng NTM và thực hiện các tiêu chí NTM trên địa bàn cấp huyện, xã)*

### **1.3. Nguồn vốn tín dụng (tín dụng thương mại và tín dụng thực hiện các chính sách):**

Nguồn lực huy động vốn tín dụng theo các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 về tín dụng đầu tư của Nhà nước, Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 nhằm đáp ứng nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh của người dân trên địa bàn, đặc biệt tại các xã xây dựng nông thôn mới, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

### **1.4. Huy động từ các doanh nghiệp, HTX đầu vào nông nghiệp nông thôn:**

Nguồn lực huy động chủ yếu từ các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các HTX đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông dân và nông thôn như: Chợ nông thôn, công trình cấp nước sạch cho cụm dân cư, điện, thu gom và

xử lý rác thải; các dự án trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản và các dự án chế biến nông lâm thủy hải sản; đầu tư nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tổ chức đào tạo, tập huấn và hướng dẫn bà con tiếp cận kỹ thuật tiên tiến và tổ chức sản xuất những giống cây, vật nuôi, dịch vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ khuyến nông, khuyến công,...

### 1.5. Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác và huy động cộng đồng dân cư:

Nguồn lực huy động chủ yếu từ cộng đồng dân cư thực hiện thông qua các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện cho từng nội dung cụ thể: Phát triển sản xuất, xây dựng thiết chế văn hóa, vệ sinh môi trường, các công trình dân sinh, phúc lợi cộng đồng thông qua đóng góp bằng tiền mặt, hiện vật, công lao động...; các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm, người con xa quê hương hỗ trợ xây dựng NTM.

(Kèm theo Phụ lục IV Cơ chế huy động và sử dụng nguồn vốn hợp pháp khác)

**2. Tổng nhu cầu nguồn lực dự kiến huy động thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 là: 67.138,758 tỷ đồng, chia ra:**

TT	Nội dung	Kết quả 2016-2020 (tỷ đồng)	Dự kiến 2021-2025 (tỷ đồng)	Tỷ lệ (2021-2025/2016-2020)
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>67.794,592</b>	<b>67.138,758</b>	100%
<b>I</b>	<b>Ngân sách Nhà nước (=1+2)</b>	<b>9.290,535</b>	<b>8.288,758</b>	89%
<b>1</b>	<b>Vốn trực tiếp từ Chương trình NTM (=1.1+1.2+1.3+1.4)</b>	<b>4.307,824</b>	<b>3.180,758</b>	73%
<b>1.1</b>	<b>Ngân sách Trung ương</b>	<b>1.837,400</b>	<b>804,758</b>	<b>43%</b>
	- Đầu tư	1.414,700	671,840	47%
	- Kinh phí sự nghiệp	422,700	132,918	31%
<b>1.2</b>	<b>Ngân sách tỉnh</b>	<b>1.547,288</b>	<b>1.326,000</b>	<b>85%</b>
	- Đầu tư	1.108,679	630,000	56%
	- Kinh phí sự nghiệp	438,609	696,000	158%
<b>1.3</b>	<b>Ngân sách huyện</b>	<b>698,602</b>	<b>750,000</b>	107%
<b>1.4</b>	<b>Ngân sách xã</b>	<b>224,533</b>	<b>300,000</b>	133%
<b>2</b>	<b>Lồng ghép từ các Chương trình, dự án</b>	<b>4.982,711</b>	<b>5.108,000</b>	102%
<b>II</b>	<b>Vốn tín dụng (Doanh số cấp vốn tín dụng thương mại)</b>	<b>56.961,076</b>	<b>57.000,000</b>	100%
<b>III</b>	<b>Vốn doanh nghiệp, HTX</b>	<b>604,434</b>	<b>650,000</b>	107%
<b>IV</b>	<b>Huy động khác và đóng góp của cộng đồng dân cư (quy ra tiền)</b>	<b>938.623</b>	<b>1.200,000</b>	127%

### 3. Dự kiến kế hoạch bố trí ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh trong giai đoạn 2021-2025

*ĐVT: tỷ đồng*

TT	Thời gian	Ngân sách Trung ương			Ngân sách tỉnh		
		Đầu tư	Sự nghiệp	Tổng	Đầu tư	Sự nghiệp	Tổng
1	Năm 2021	0	14,828	14,828	100,000	110,000	210,000
2	Năm 2022	243,240	44,530	287,770	87,000	137,500	224,500
3	Năm 2023	142,000	24,520	166,520	170,000	155,500	325,500
4	Năm 2024	142,000	24,520	166,520	170,000	144,500	314,500
5	Năm 2025	144,600	24,520	169,120	103,000	148,500	251,500
	<b>Cộng</b>	<b>671,840</b>	<b>132,918</b>	<b>804,758</b>	<b>630,000</b>	<b>696,000</b>	<b>1.326,000</b>

#### V. CƠ CHẾ THỰC HIỆN

##### 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 5 năm 2021-2025 và hằng năm:

a) Giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025:

UBND tỉnh giao tổng số vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh cho từng địa phương để các địa phương chủ động lập kế hoạch, danh mục công trình chi tiết trình HĐND cấp huyện phê duyệt để thực hiện.

Cuối giai đoạn, trường hợp có điều chỉnh định mức giữa các xã (do thiếu/ thừa theo công trình, tỷ lệ hỗ trợ), UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến trước khi điều chỉnh.

b) Giao kế hoạch hằng năm

- Về giao chỉ tiêu, nhiệm vụ: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua các chỉ tiêu, nhiệm vụ dự kiến giao kế hoạch trong Chương trình NTM trong kế hoạch - kinh tế xã hội hằng năm của tỉnh; căn cứ vào Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành Quyết định giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện hằng năm.

- Về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh: Hằng năm, trên cơ sở tổng nguồn vốn đầu tư phát triển được Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh giao và căn cứ tiêu chí, định mức phân bổ vốn của HĐND tỉnh tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tham mưu UBND tỉnh giao chỉ tiêu, kế hoạch tổng số vốn cho các địa phương, trong đó ưu tiên đối với các địa phương phấn đấu đạt chuẩn NTM theo lộ trình hằng năm, 5 năm. UBND cấp huyện giao chi tiết danh mục, mã số dự án, cơ cấu nguồn vốn đến từng xã, Phòng ban liên quan (nếu cấp huyện chủ đầu tư).

- Về giao kế hoạch vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh: Hằng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Văn phòng Điều phối NTM tỉnh xây dựng dự toán kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình NTM, tổng hợp chung vào dự toán phân bổ thu chi ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định tại kỳ họp cuối năm. Trên cơ sở tổng nguồn vốn sự nghiệp được Thủ tướng Chính phủ (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương), Hội đồng nhân dân tỉnh (vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh) giao, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối NTM tỉnh và các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết cho các ngành, địa phương để thực hiện. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng hàng hóa, đảm bảo sức cạnh tranh, đẩy mạnh phát triển mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực địa phương. UBND cấp huyện căn cứ phương án phân bổ vốn sự nghiệp của UBND tỉnh, phân bổ dự toán kinh phí cho các Phòng, ban, chủ đầu tư liên quan và UBND xã để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao và hoàn thành các mục tiêu.

## **2. Cơ chế hỗ trợ**

- Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ để đầu tư các nội dung trong Chương trình NTM theo tỷ lệ, định mức quy định (tại Phụ lục II Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh và văn bản triển khai của UBND tỉnh). Ngân sách cấp huyện, xã bố trí đối ứng để thực hiện theo tỷ lệ do HĐND cấp huyện quy định.

- Đối với vật liệu xây dựng, giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa khác (do người dân trực tiếp làm ra) khi mua trực tiếp của dân để sử dụng vào các dự án của Chương trình NTM thì giá cả phải phù hợp mặt bằng chung của thị trường trên địa bàn cùng thời điểm; chứng từ để thanh toán là giấy biên nhận mua bán với các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn nơi bán, được UBND xã xác nhận.

- Kinh phí chi quản lý Chương trình NTM được trích tối đa 1,5% nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình NTM để chi thực hiện các nhiệm vụ sau: kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình, tổ chức họp triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình, công tác phí cho cán bộ đi dự các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn của trung ương, tỉnh, huyện, tổ chức đi học tập kinh nghiệm và trang thiết bị văn phòng cho các hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ công tác và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp; tổ chức khảo sát, thẩm tra, thẩm định thôn, xã, cấp huyện, cấp tỉnh đạt chuẩn NTM, hoàn thành xây dựng NTM. UBND tỉnh phân bổ cụ thể kinh phí chi cho hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp ở địa phương. Căn cứ vào tình hình cụ thể và khả năng ngân sách địa phương, UBND các cấp (tỉnh, huyện, xã) hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp từ nguồn ngân sách địa phương.

- Nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình NTM từ ngân sách nhà nước đều phải quản lý và thanh toán tập trung, thống nhất qua Kho bạc Nhà nước. Đối với các nguồn đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động, để hạch toán

vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý, không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước (thực hiện đúng theo Phụ lục IV kèm theo Quyết định này).

- Kinh phí duy tu, bảo dưỡng và vận hành các công trình đầu tư sau khi đã hoàn thành đưa vào sử dụng: Căn cứ vào tình hình thực tế, UBND cấp huyện, xã cân đối, bố trí kinh phí duy tu bảo dưỡng công trình sau khi đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ ngân sách địa phương; đối với các xã đã đạt chuẩn NTM sử dụng kinh phí duy trì, nâng chuẩn ngân sách tỉnh hỗ trợ hằng năm để duy tu, bảo dưỡng các công trình đã được đầu tư.

- Hộ nghèo tham gia trực tiếp lao động để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương được chính quyền địa phương xem xét, trả thù lao theo mức phù hợp với mức tiền lương chung của thị trường lao động tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương. UBND xã xem xét, quyết định mức thù lao cụ thể sau khi trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

### **3. Cơ chế quản lý đầu tư thực hiện các công trình, dự án, mô hình, phương án thuộc Chương trình NTM:**

- HĐND cấp huyện tăng cường giám sát việc thực hiện của UBND cùng cấp. Trên cơ sở vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 trong Chương trình NTM được UBND tỉnh phân bổ cho từng địa phương, UBND cấp huyện trình HĐND cấp huyện phê duyệt danh mục chi tiết công trình đầu tư công trung hạn trong Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 (*danh mục phải nêu rõ cơ cấu nguồn vốn của từng cấp ngân sách, kể cả các danh mục công trình đã thực hiện trong năm 2021, 2022*) đảm bảo hiệu quả, chất lượng, hạn chế đầu tư dàn trải, không để xảy ra lãng phí trong đầu tư, nợ đọng xây dựng cơ bản, huy động quá sức trong dân. Đồng thời, tránh chồng chéo, trùng lặp địa bàn, phạm vi, đối tượng đầu tư với 02 Chương trình MTQG còn lại (MTQG giảm nghèo bền vững và MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi) theo chỉ đạo trung ương; làm cơ sở cho UBND cấp huyện thẩm định nguồn, quyết định danh mục đầu tư trong Chương trình NTM để thực hiện hằng năm; trường hợp danh mục công trình trung hạn 5 năm có điều chỉnh lớn hơn tổng mức đầu tư đã duyệt hoặc thay đổi danh mục công trình trong kế hoạch trung hạn thì UBND cấp huyện báo cáo HĐND cấp huyện thống nhất (*hoặc Thường trực HĐND cấp huyện để thống nhất và báo cáo HĐND cấp huyện tại cuộc họp gần nhất*).

- UBND cấp huyện phân bổ vốn chi tiết theo danh mục, mã số dự án, nguồn vốn và bố trí vốn ngân sách địa phương, huy động đóng góp của nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp (nếu có) hằng năm đúng nội dung, mục tiêu, đối tượng, tỷ lệ hỗ trợ, phạm vi của Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 được cấp thẩm quyền thông qua.

- Chủ đầu tư:

+ Chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình NTM trên địa bàn xã có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng là UBND xã (*đại diện là Ban Quản lý xã do UBND xã quyết định thành lập*). Trường hợp trình độ, năng lực của UBND xã hạn chế trong quản lý đầu tư, UBND cấp huyện có quyết



định quy định mức UBND xã làm chủ đầu tư cho phù hợp nhưng không thấp hơn 01 tỷ đồng.

+ Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao (không thuộc danh mục công trình xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp), đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà UBND xã không đủ năng lực và có văn bản không nhận làm chủ đầu tư thì UBND cấp huyện giao cho 01 đơn vị có đủ năng lực ở cấp huyện làm chủ đầu tư (*đại diện là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện làm chủ đầu tư hoặc các Phòng, ban có đủ năng lực làm chủ đầu tư do UBND cấp huyện quyết định*) và có sự tham gia của UBND xã.

+ Đối với công trình có tổng mức đầu tư trên 05 tỷ đồng và các công trình hạ tầng thực hiện tiêu chí huyện NTM do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư (*đại diện là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện làm chủ đầu tư hoặc các Phòng, ban có đủ năng lực làm chủ đầu tư do UBND cấp huyện quyết định*).

+ Riêng đối với nội dung hỗ trợ di dời trụ điện, trụ viễn thông trong xây dựng NTM, tùy điều kiện cụ thể về hiện trạng, năng lực, khả năng thực hiện, UBND cấp huyện quyết định Phòng, ban liên quan hoặc UBND xã làm chủ đầu tư cho phù hợp (không thực hiện di dời trụ điện, trụ viễn thông trên địa bàn thị trấn, phường).

- Thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình:

+ Đối với công trình dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp (*công trình được áp dụng theo cơ chế đặc thù; danh mục công trình đặc thù quy định của UBND tỉnh*) có tổng mức đầu tư đến 05 tỷ đồng: UBND xã thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản (*gọi là hồ sơ xây dựng công trình đơn giản*) đối với công trình đặc thù; trường hợp UBND xã không đủ năng lực thẩm định, có văn bản đề nghị thì UBND cấp huyện giao cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thẩm định trước khi UBND xã phê duyệt.

+ Đối với công trình không thuộc danh mục công trình đặc thù có tổng mức đầu tư đến 05 tỷ đồng: Ban Quản lý xã lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thẩm định, UBND cấp xã phê duyệt.

+ UBND cấp huyện thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình/báo cáo kinh tế kỹ thuật có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng trở lên thuộc vốn Chương trình NTM.

- Cơ chế đầu tư:

+ Đối với các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp: Thực hiện theo Chương IV, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và các văn bản triển khai của UBND tỉnh.

+ Đối với các dự án khác (các dự án không thuộc danh mục các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp) thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành (*Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định, Thông tư của các Bộ, ngành..., Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng*

*Nam; cơ chế chỉ đạo, điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm của UBND tỉnh).*

- Quyết toán công trình hoàn thành: Dự án đầu tư, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc hồ sơ xây dựng công trình đơn giản do UBND, Chủ tịch UBND cấp nào phê duyệt thì quyết toán công trình do cơ quan, bộ phận tài chính cấp đó chủ trì tham mưu cho UBND, Chủ tịch UBND cùng cấp phê duyệt. Đối với cấp xã, trường hợp bộ phận tài chính không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, Ban Quản lý xã báo cáo UBND xã lựa chọn một trong các hình thức sau: (i) Thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trên cơ sở kết quả kiểm toán, bộ phận chức năng thuộc UBND xã nêu trên lập báo cáo thẩm tra trình UBND xã phê duyệt quyết toán hoặc (ii) đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành để UBND xã phê duyệt quyết toán.

- Dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Thực hiện theo Chương V, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, văn bản của các Bộ, ngành, Phụ lục II Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh và các văn bản triển khai của HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

- Nội dung: Rà soát quy hoạch (*đối tượng ưu tiên rà soát quy hoạch là các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM, xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu, các xã thuộc các huyện phấn đấu đạt chuẩn huyện NTM, các xã có tốc độ phát triển lớn và các xã nằm một phần trong các quy hoạch chuyên ngành để khớp nối quy hoạch*); cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; cảnh quan môi trường nông thôn (*phát triển đường cây xanh, bóng mát: Ưu tiên phát triển cây xanh bóng mát đối với các tuyến ĐH ở các huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM, các tuyến đường trục xã, thôn ở các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, các tuyến đường vào các khu dân cư tập trung đối với miền núi*): UBND cấp huyện thẩm định, phê duyệt dự án/phương án hoặc nhiệm vụ quy hoạch và dự toán chi tiết, mức vốn đối ứng địa phương để Phòng, ban hoặc UBND xã tổ chức thực hiện.

- Cơ chế quản lý, thực hiện xây dựng thôn NTM kiểu mẫu:

+ Phương án xây dựng thôn NTM kiểu mẫu: UBND cấp huyện phê duyệt phương án, khung kế hoạch xây dựng thôn NTM kiểu mẫu, mức vốn đối ứng ngân sách địa phương đối với từng thôn trên địa bàn. Kinh phí hỗ trợ được giao cho UBND xã quản lý, thực hiện việc hỗ trợ cho Ban Phát triển thôn hoặc bộ phận liên quan (theo tính chất, nội dung công việc) để triển khai xây dựng thôn NTM kiểu mẫu theo Phương án/Kế hoạch được UBND cấp huyện phê duyệt; Trên cơ sở phương án, khung kế hoạch được UBND cấp huyện phê duyệt, UBND xã phê duyệt dự toán chi tiết từng nội dung, hạng mục, làm cơ sở để thôn và bộ phận liên quan tổ chức thực hiện, lập hồ sơ thanh toán. UBND xã chịu trách nhiệm thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước. Được áp dụng theo các mức chi, mức hỗ trợ có liên quan được HĐND tỉnh, UBND tỉnh thống nhất theo các Chương trình, Đề án, dự án,

quy định còn hiệu lực hoặc các định mức kinh tế - kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành; đối với các nội dung không có mức chi cụ thể thì lập dự toán theo giá thị trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.

+ Kinh phí xây dựng thôn NTM kiểu mẫu được thực hiện theo phương châm: *Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần kinh phí (trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/thôn; ngân sách cấp huyện, xã đối ứng tối thiểu 200 triệu đồng/thôn), để làm nền tảng huy động nguồn lực từ các nguồn, phần hỗ trợ này không phải là dự án đầu tư, phần còn lại chủ yếu là vận động trong nhân dân tự nguyện đóng góp để thực hiện.* Khuyến khích các địa phương vận động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và người con xa quê hỗ trợ để xây dựng thôn NTM kiểu mẫu tại địa phương. Đối với thôn đã đạt chuẩn trong giai đoạn 2016- 2020 và các thôn giai đoạn 2016-2020 đã được hỗ trợ ngân sách tỉnh nhưng chưa đạt chuẩn, trước mắt, đề nghị cân đối ngân sách địa phương và lồng ghép từ các nguồn để thực hiện duy trì, đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu. Khi có nguồn vượt thu, tăng thu, tiết kiệm chi, UBND tỉnh sẽ xem xét hỗ trợ cho các thôn duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí mới.

+ Nội dung thực hiện: Chi tập huấn, hội nghị, thông tin, tuyên truyền, in tờ rơi, lắp đặt pano tuyên truyền các nội dung liên quan; chi phát động xây dựng thôn NTM kiểu mẫu, công bố thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu; chi điều tra sự hài lòng của người dân; chi tham gia các cuộc thi thôn NTM kiểu mẫu do cấp trên tổ chức; chi để tổ chức điều tra, xây dựng phương án/kế hoạch thực hiện thôn NTM kiểu mẫu và chi công tác quản lý chỉ đạo, tổng kết, đánh giá xét công nhận: Không quá 5% ngân sách nhà nước hỗ trợ; chi xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn, hỗ trợ dụng cụ, trang thiết bị thu gom, tập kết, xử lý chất thải sinh hoạt (thùng đựng, xe đẩy rác,...), hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải trong chăn nuôi; hỗ trợ xây bồn hoa, trồng hoa, cây xanh bóng mát, hàng rào xanh, hàng rào xếp đá, cải tạo vườn tạp, di dời chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; chi công, vật tư vẽ tranh bích họa; chi truyền thông về môi trường; xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường để học tập, nhân rộng; chi tập huấn phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn; hỗ trợ một phần mua tủ thuốc gia đình; chi mua thiết bị, vật tư để lắp điện chiếu sáng (*ưu tiên điện chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời*); hỗ trợ vật tư để đúc trụ hoặc mua trụ di dời trụ điện giữa đường; chi mua vật tư để đúc mốc, lắp đặt biển báo giao thông; chi mua sắm các thiết bị văn hóa - thông tin, mua sắm thiết bị loa truyền thanh thôn, dụng cụ thể dục thể thao cho nhà văn hóa, khu thể thao thôn; đầu tư wifi ban đầu cho nhà văn hóa thôn; mua thiết bị vui chơi giải trí cho trẻ em-người cao tuổi; mua vật liệu làm nhà vệ sinh nhà văn hóa thôn; mua vật liệu làm công làng/thôn văn hóa; trồng hoa, cây xanh nhà văn hóa thôn; hỗ trợ mua vật tư sửa chữa các đường ống dẫn nước sinh hoạt tập trung của thôn; chi hỗ trợ xây dựng mô hình VAC, hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập bằng kinh tế vườn, kinh tế trang trại hoặc hỗ trợ người dân trên địa bàn thôn phát triển kinh tế hộ với các ngành nghề phi nông nghiệp, trong đó ưu tiên hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn có điều kiện thực hiện (mức hỗ trợ cụ thể cho từng hộ do cộng đồng quyết định); hỗ trợ công trình

vệ sinh cho hộ nghèo; hỗ trợ phương tiện nghe - xem cho hộ nghèo; xây dựng các mô hình tự quản về an ninh trật tự; hỗ trợ lắp đặt camera ở một số địa điểm trọng yếu của thôn; hỗ trợ các nội dung cần thiết khác để phục vụ các tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu được đa số (trên 70%) hộ dân trong thôn tham gia cuộc họp thống nhất. Kinh phí hỗ trợ trực tiếp các nội dung nêu trên không đầu tư vào các hạng mục xây dựng cơ bản.

- Cơ chế quản lý, thực hiện hỗ trợ nhân rộng các mô hình điển hình, tiên tiến:

+ Nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong xây dựng NTM: Ưu tiên nhân rộng các mô hình hiệu quả đã ứng dụng trong thực tiễn, các mô hình có nhiều đối tượng hưởng lợi, nhất là các đối tượng yếu thế trong xã hội, các mô hình phát triển kinh tế nông thôn gắn với chuyển đổi số, các mô hình liên kết chuỗi giá trị gắn tiêu thụ sản phẩm, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng hàng hóa, các mô hình gắn với việc thực hiện các phong trào thi đua có sức lan tỏa gắn với sự vào cuộc của các Hội, đoàn thể các cấp;

+ Kinh phí hỗ trợ nhân rộng các mô hình điển hình, tiên tiến được giao cho các Sở, ngành cấp tỉnh, các Phòng, ban, đoàn thể cấp huyện và UBND xã để tổ chức thực hiện. Đối với kinh phí giao cho Sở, ngành ở tỉnh thì các Sở, ngành gửi phương án/kế hoạch, dự toán cho Sở Tài chính thẩm định để thực hiện; đối với kinh phí giao các Phòng, ban, đoàn thể cấp huyện thì gửi phương án/kế hoạch, dự toán cho Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện thẩm định, bố trí đối ứng để thực hiện; đối với kinh phí giao UBND xã thì UBND xã tổ chức thẩm định và phê duyệt kế hoạch/phương án, dự toán chi tiết để thực hiện và bố trí đối ứng theo quy định. Căn cứ xây dựng kế hoạch, dự toán đối với từng lĩnh vực điển hình, tiên tiến là các quy định hiện hành của Nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến từng lĩnh vực cần nhân rộng, đối với những nội dung chưa có quy định, định mức thì tham khảo theo giá trị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm để lập dự toán.

- Kinh phí duy trì chuẩn, nâng chuẩn ở xã đã đạt chuẩn NTM: UBND xã xây dựng phương án sử dụng nguồn kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ để duy trì, giữ chuẩn, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2022-2025, kể cả duy trì, nâng chuẩn cho các thôn đã đạt chuẩn hoặc làm thêm thôn NTM kiểu mẫu, báo cáo HĐND xã (hoặc báo cáo Thường trực HĐND cấp xã nếu chưa tổ chức được kỳ họp HĐND xã) có ý kiến thống nhất bằng văn bản để tổ chức thực hiện. Trong đó: Các nội dung phương án thực hiện duy trì, giữ chuẩn, nâng chuẩn có tính chất sự nghiệp, Ban Quản lý xã lập dự toán chi tiết, trình UBND xã phê duyệt để thực hiện và thanh, quyết toán theo các quy định hiện hành (*căn cứ xây dựng kế hoạch, dự toán duy trì, nâng chuẩn là các quy định hiện hành của Nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến từng tiêu chí cần duy trì, nâng chuẩn, các nội dung có tính chất sự nghiệp tại Phụ lục II Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh; đối với những nội dung chưa có quy định, định mức thì tham khảo theo giá trị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm để lập dự toán*). Các nội dung phương án thực hiện duy trì, giữ chuẩn, nâng chuẩn có tính chất đầu tư (*dùng để duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các*

*công trình đã được đầu tư*) thì việc quản lý, thanh quyết toán theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

- Đối với kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung còn lại (bồi dưỡng, tập huấn; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; truyền thông, tuyên truyền; phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; thực hiện các phong trào thi đua; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; chi phí quản lý, điều hành...): Đối với kinh phí giao cho các Phòng, ban, đoàn thể thì các Phòng, ban, đoàn thể lập kế hoạch thực hiện và dự toán chi tiết, gửi Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện thẩm định để tổ chức thực hiện. Đối với kinh phí giao cho Ban Quản lý xã thì Ban Quản lý xã lập kế hoạch thực hiện và dự toán chi tiết, trình UBND xã phê duyệt, làm cơ sở tổ chức thực hiện. Đối với kinh phí giao cho các Sở, ngành, đoàn thể thì các Sở, ngành, đoàn thể lập kế hoạch thực hiện và dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm định để tổ chức thực hiện. Riêng kinh phí phục vụ các hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh và bộ phận giúp việc để thực hiện Chương trình NTM do ngân sách Nhà nước bảo đảm (được bố trí qua Sở Nông nghiệp và PTNT để thẩm định, phân bổ chi tiết cho Văn phòng Điều phối NTM tỉnh để tổ chức thực hiện).

- Đối với những xã được giao vốn từ Chương trình NTM (vốn đầu tư và kinh phí sự nghiệp), khi có quyết định của cấp thẩm quyền công nhận đơn vị hành chính từ xã lên đơn vị hành chính là thị trấn hoặc phường thì UBND cấp huyện chủ động chỉ đạo UBND xã sớm hoàn thiện thủ tục để giải ngân trước ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội công nhận xã lên thị trấn hoặc phường có hiệu lực và không phân bổ vốn từ Chương trình NTM về sau; đồng thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét chủ trương đối với vốn chưa sử dụng hết (nếu có).

#### **4. Cơ chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình NTM:**

Thực hiện theo cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản triển khai của HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

#### **5. Công nhận xã, cấp huyện, thôn đạt chuẩn NTM:**

- UBND tỉnh thẩm định và quyết định công nhận: Xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

- UBND tỉnh thẩm tra, đề nghị Trung ương thẩm định, công nhận: Huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (đối với cấp huyện phân đầu mới trong giai đoạn 2021-2025).

- Đối với các huyện, xã đã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2011-2021 không công nhận lại; hằng năm, các huyện, xã rà soát mức độ duy trì, nâng chuẩn theo bộ tiêu chí mới giai đoạn 2022-2025 để có kế hoạch duy trì các tiêu chí đã đạt và nâng chuẩn các tiêu chí chưa đạt; trong vòng 5 năm kể từ năm đạt chuẩn, khi xét thấy khả năng đã đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2022-2025, các địa phương

tự tổ chức Đoàn đánh giá theo Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2022-2025 (*bắt đầu tổ chức Đoàn đánh giá từ năm thứ 3 sau năm được công nhận đạt chuẩn NTM, nhưng không quá 5 năm*) và gửi văn bản, hồ sơ có liên quan cho các Sở, ngành phụ trách các tiêu chí NTM để thẩm định (đối với xã NTM), thẩm tra (đối với huyện NTM), trên cơ sở đó các Sở, ngành phụ trách các tiêu chí NTM rà soát và có văn bản thẩm định lại mức độ duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí mới gửi Văn phòng Điều phối NTM tỉnh (*nếu duy trì đủ các tiêu chí theo Bộ tiêu chí mới; nếu chưa duy trì chuẩn theo tiêu chí mới thì có văn bản đề nghị địa phương tiếp tục thực hiện, khắc phục các nội dung chưa đạt*) để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh thông báo các địa phương đủ điều kiện duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2022-2025.

- UBND cấp huyện thẩm định và quyết định công nhận thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025. Đối với các thôn đã đạt chuẩn NTM (đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu hoặc đạt chuẩn thôn NTM) giai đoạn 2016-2021, trong vòng 5 năm kể từ năm đạt chuẩn NTM, UBND xã tổ chức Đoàn đánh giá để tự đánh giá (*bắt đầu tổ chức Đoàn đánh giá từ năm thứ 3 sau năm được công nhận đạt chuẩn NTM, nhưng không quá 5 năm*) và gửi UBND cấp huyện để tổng hợp, thẩm định và thông báo danh sách thôn đủ điều kiện duy trì, nâng chuẩn theo Bộ Tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025.

## VI. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục quán triệt và tuyên truyền nâng cao nhận thức đến tất cả cán bộ, đảng viên, các tổ chức, đơn vị và toàn thể nhân dân xây dựng NTM là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt, **“có điểm bắt đầu, không có điểm kết thúc”**; thực hiện tốt Chương trình truyền thông về xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; xây dựng, ban hành và thực hiện tốt Phong trào thi đua “Quảng Nam chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025”. Đồng thời, xác định rõ hơn vai trò của người nông dân và các chính sách tác động có liên quan để người nông dân thực sự là chủ thể của quá trình xây dựng NTM, tạo cho mọi người dân có điều kiện chủ động hơn trong tiếp cận chính sách và hưởng thụ các phúc lợi xã hội từ Chương trình NTM.

Đẩy mạnh vận động xã hội hóa thực hiện Chương trình NTM trên cơ sở phù hợp với sức dân; khơi dậy, phát huy tính tự giác, tự nguyện của người dân, công khai minh bạch để tạo sự tin tưởng cho các tổ chức, cá nhân hỗ trợ giám sát thực hiện. Thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời tôn vinh, khen thưởng những cá nhân, tập thể có nhiều đóng góp cho xây dựng NTM. Ngoài ra, chú trọng các phong trào thi đua khác có sức lan tỏa như: “*Dân vận khéo*”, “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”, “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, “*Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch*”, “*Sạch từ nhà ra ngõ*”; “*Nhà sạch - Vườn đẹp - Môi trường trong lành - Ngõ xóm văn minh*”; “*Sạch đường, tốt ruộng*”; “*Sáng, xanh, sạch, đẹp*”; “*4 có*” đối với xã (*có sản phẩm đặc trưng - có khu dân cư NTM kiểu mẫu - có tuyến đường hoa - có cổng chào*) và “*3 có*” đối với khu dân cư (*có vườn xanh - có nhà sạch - có ngõ đẹp*); đẩy mạnh phong trào trồng cây xanh, trồng hoa, vẽ bích họa trên các tuyến đường; phong trào “*Làng quê không rác*”

*thải*”, “Đường hoa thay cỏ dại”; “Đường tự quản bảo vệ môi trường”; “Việc làng - đất vàng cũng hiến”, “Hiến đất - mất một được hai”; “Điểm sáng biên giới”, “Tổ tự quản về an ninh trật tự ở khu vực biên giới”, “Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới Quốc gia trong tình hình mới”, “Cánh đồng mẫu lớn có sự liên kết 04 nhà”, “Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp đỡ nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”, Thanh niên, Quân đội, Nông dân, Hội cựu chiến binh, Hội người cao tuổi chung tay xây dựng NTM.

2. Nghiên cứu và xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng NTM cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng miền trên địa bàn tỉnh trình HĐND tỉnh đề có cơ chế hỗ trợ thực hiện; lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn nông thôn với Chương trình NTM, nhằm thống nhất cơ chế triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình NTM, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư, bảo đảm không chồng chéo, lãng phí nguồn lực. Triển khai đồng bộ các giải pháp phân đầu tăng thu để bổ sung nguồn lực xây dựng NTM, hạn chế nợ xây dựng cơ bản. Hoàn thiện các nội dung hướng dẫn thực hiện Chương trình NTM trong năm 2022. Đẩy mạnh phân cấp và chịu trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện Chương trình NTM cho cấp huyện, xã, nhất là trong giao các công trình đặc thù cho người dân, cộng đồng dân cư tự tổ chức thực hiện.

3. Triển khai các Bộ tiêu chí NTM của Trung ương giai đoạn 2021-2025 và xây dựng ban hành Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 cho thật sự phù hợp với từng vùng để tổ chức thực hiện theo chiều sâu. Tiếp tục nghiên cứu các mô hình NTM bền vững, tiêu biểu cho phù hợp với các vùng, miền để vừa hỗ trợ chỉ đạo điểm, vừa rút kinh nghiệm để nhân rộng hướng đến xã NTM kiểu mẫu, trong đó quan tâm một số mô hình như: Mô hình NTM ven đô gắn với phát triển đô thị; mô hình NTM gắn với phát triển du lịch cộng đồng; mô hình NTM của các làng nghề truyền thống; mô hình NTM dựa trên phát triển sản xuất hàng hóa, chuỗi giá trị; mô hình làng NTM ở miền núi; mô hình NTM đặc sắc về cảnh quan môi trường, sinh thái làng quê gắn với phát triển du lịch; mô hình kiểu mẫu trong thực hiện tiêu chí y tế - văn hóa - giáo dục; mô hình kiểu mẫu trong thực hiện tiêu chí sản xuất - thu nhập - hộ nghèo; mô hình nông thôn mới thông minh.

4. Đẩy mạnh thực hiện theo các nhóm xã, huyện NTM

a) Về xã NTM

- Nhóm 1 (các xã đã đạt chuẩn NTM): Với nhóm này, cần tập trung duy trì, giữ vững các tiêu chí đã đạt theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2021-2025, không để “rớt” tiêu chí, theo đúng tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh tại Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 02/7/2018; đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền để người dân hiểu hết được mục đích, ý nghĩa của xây dựng thôn NTM kiểu mẫu, để họ tự giác thực hiện, không để tình trạng cán bộ phải làm thay dân như ở một số nơi, từng bước xây dựng các thôn NTM kiểu mẫu “sáng, xanh, sạch, đẹp”, trở thành những “vùng quê đáng sống”. Các xã có điều kiện, thì khuyến khích xây dựng xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu. Nhóm này nhiều xã có điểm xuất

phát tốt, đạt chuẩn xã NTM sớm (2014-2015), điều kiện phát triển kinh tế khá thuận lợi; do vậy, các xã này cần bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phát triển sản xuất thật sự phù hợp, phát huy cơ sở hạ tầng đã được đầu tư, xây dựng các khu sản xuất nông, lâm, ngư tập trung; đẩy mạnh công tác tích tụ ruộng đất, áp dụng cơ giới hóa vào trong nông nghiệp, xây dựng các vùng nguyên liệu nông sản, gắn với cấp mã vùng trồng, mã vạch sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến; làm tiền đề và cơ sở để thúc đẩy hợp tác, liên kết, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với sơ, chế biến và tiêu thụ nông sản hàng hóa theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP và Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Phát triển mạnh các chương trình kinh tế nông thôn, như: cơ cấu lại sản xuất; Mỗi xã một sản phẩm (OCOP); ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hữu cơ trong nông nghiệp, ngành nghề nông thôn, du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng...

- Nhóm 2 (*các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025*): Từ những kinh nghiệm tốt, cách làm hay của các xã đi trước, nhất là những xã đặc biệt khó khăn vượt khó, vươn lên đạt chuẩn NTM, chủ động xây dựng khung kế hoạch, lộ trình và cân đối nguồn lực, tập trung chỉ đạo tạo sự chuyển biến rõ nét trên các lĩnh vực, tiêu chí, làm tiền đề phấn đấu đạt chuẩn NTM trong giai đoạn 2021-2025; cùng với nguồn vốn NTM ngân sách nhà nước đầu tư, huy động tối đa các nguồn lực cho xây dựng NTM, nhất là nguồn vốn xã hội hóa, phát huy hiệu quả nguồn vốn tín dụng, vốn đầu tư từ doanh nghiệp, phát huy vai trò chủ thể và vận động nguồn lực của người dân một cách phù hợp; kêu gọi doanh nghiệp, người con xa quê thành đạt tài trợ, đỡ đầu, không để nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM.

- Nhóm 3 (*các xã còn lại*): Nhóm này chủ yếu là các xã thuộc đặc biệt khó khăn, xã biên giới, vùng sâu, vùng xa ở các huyện miền núi cao không có khả năng phấn đấu đạt chuẩn NTM. Đối với nhóm xã này chỉ phấn đấu đạt chuẩn NTM đối với xã đủ điều kiện, còn lại tập trung thực hiện các tiêu chí **thôn NTM kiểu mẫu**, nhằm hạn chế thấp nhất mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản trong chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của người dân trên địa bàn, làm tiền đề để xã phấn đấu đạt chuẩn NTM trong thời gian thích hợp. Tổ chức cho các hộ dân tham quan các xã đã đạt chuẩn NTM để học tập những kinh nghiệm tốt, cách làm hay của các xã đi trước để về vận dụng tại địa phương.

#### *b) Đối cấp huyện NTM*

- *Đối với huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM, huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu*: Bám sát các tiêu chí huyện NTM, huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 do Trung ương ban hành để tổ chức thực hiện, trong đó tập trung một số giải pháp:

+ Tiếp tục rà soát, lập và điều chỉnh quy hoạch vùng huyện đáp ứng những yêu cầu về xây dựng NTM là nhiệm vụ quan trọng, đảm bảo thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn có tính toàn diện, bền vững, hiện đại. Trong đó tập trung các vấn đề về hạ tầng đầu mối (*phục vụ sản xuất nông nghiệp, đáp ứng phát triển sản xuất, lưu thông; ưu tiên giao thông cấp huyện*



*đối với các huyện đồng bằng và ưu tiên giao thông cấp xã, thôn đối với các huyện vùng núi, trung du, có cơ chế phát triển mở rộng các trục đường quốc lộ, đường tỉnh đến các huyện).* Tăng cường công tác quản lý quy hoạch và xử lý vi phạm quy hoạch; công khai quy hoạch vùng và các quy hoạch khác được phê duyệt để nhân dân biết và thực hiện.

+ Cải tạo, xây dựng mới, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, phục vụ sinh hoạt, sản xuất của người dân; chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục; tăng cường chất lượng dịch vụ y tế ở tuyến xã, huyện, đảm bảo chăm sóc sức khỏe người dân “toàn diện, liên tục”. Tiếp tục xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở bảo đảm lựa chọn và sử dụng hiệu quả nhất các thiết chế văn hóa truyền thống và thiết chế văn hóa mới; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao ở nông thôn.

+ Xây dựng mô hình cánh đồng lớn, cánh đồng tập trung nhằm phát triển các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn đối với một số sản phẩm chủ lực của huyện, tỉnh (ưu tiên hơn ở các huyện đồng bằng). Triển khai thực hiện Chương trình OCOP đi vào chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng, phát triển thương hiệu sản phẩm và phục vụ khách du lịch.

+ Triển khai công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện đảm bảo sạch, đẹp; trồng cây xanh bóng mát trên địa bàn huyện, tập trung vào các tuyến đường ĐH, tuyến đường du lịch (nếu có); xây dựng mở rộng hệ thống nước sạch nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế.

+ Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị, đảm bảo an ninh trật tự xã hội trên địa bàn các huyện.

+ Chỉ đạo thực hiện các tiêu chí kiểu mẫu nổi trội theo lĩnh vực lợi thế đối với huyện có điều kiện.

- *Đối với thị xã, thành phố (Tam Kỳ, Điện Bàn) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM:* Tập trung thực hiện các nhiệm vụ duy trì, nâng chuẩn để đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mức đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí NTM cấp huyện giai đoạn 2021-2025. Thành phố Hội An củng cố tiêu chí theo Bộ tiêu chí mới và hoàn thiện hồ sơ trình cấp thẩm quyền công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

**5. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đồng bộ, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng, miền.** Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh ở nông thôn; chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị, tạo kết nối đồng bộ, nhất là kết nối liên xã, liên huyện; mở rộng và hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng trung tâm cấp huyện, trong đó chú trọng đầu tư hình thành và phát triển hệ thống cung ứng, kết nối nông sản cấp huyện; đảm bảo hạ tầng để cấp huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao. Căn cứ vào định hướng trong quy hoạch xã NTM và Đề án xây dựng xã NTM, chỉ đạo các địa phương lựa chọn để ưu tiên làm trước các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, tập trung xây dựng, nâng cấp các công trình ở xã, thôn trực tiếp gắn với phát triển

sản xuất và đời sống hàng ngày của người dân, phù hợp với quy hoạch xây dựng xã NTM (*như công trình thủy lợi, giao thông, điện, nước sạch, môi trường, trường học, trạm y tế...*). Không máy móc, rập khuôn theo quy định về tỉ lệ, khối lượng trong thực hiện các tiêu chí về cơ sở hạ tầng, nhất là việc xây dựng nhà văn hóa xã/thôn, khu thể thao xã/thôn, chợ nông thôn, nghĩa trang... cần xem xét kỹ về tính thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí. Đối với tiêu chí thủy lợi điều chỉnh kế hoạch theo hướng giảm bố trí kinh phí bê tông hóa kênh mương<sup>(2)</sup> để tăng đầu tư cho duy trì và mở rộng diện tích tưới; đối với giao thông nội đồng chỉ bê tông hóa những nơi quy hoạch sản xuất ổn định, bức thiết và phù hợp với định hướng cánh đồng lớn, khu vực sản xuất tập trung. Đẩy mạnh xã hội hóa, khai thác tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đồng thời tăng cường lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, dân sinh, nhất là ở thôn xóm gắn với việc chỉnh trang, xây dựng "thôn NTM kiểu mẫu".

6. Đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó, chú trọng khai thác lợi thế của từng vùng, miền. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng liên kết sản xuất, tiêu thụ, chế biến sản phẩm nông nghiệp, nâng cao giá trị nông sản. Thu hút đầu tư, phát triển liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân; trong đó, doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt. Chú trọng phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện thực tế. Ưu tiên hỗ trợ chuyển đổi cây trồng, vật nuôi kém hiệu quả sang cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao; xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao, hàng hóa nông sản có chứng nhận GAP, hữu cơ (hoặc các tiêu chuẩn khác). Triển khai thực hiện sâu rộng Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị. Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã. Đẩy mạnh nhân rộng các mô hình điển hình, tiên tiến. Chú trọng công tác bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn, đẩy mạnh phát triển các đường hoa, đường cây xanh bóng mát. Phát triển các mô hình thôn, xóm xanh, sạch, đẹp làm tiền đề cho phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh về lâu dài.

7. Tập trung chỉ đạo và ưu tiên đầu tư để phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - xã hội, an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế nông thôn, quan tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao ở nông thôn; bảo tồn và phát huy sự đa dạng, phong phú về các giá trị văn hóa ở nông thôn, làm cơ sở để nhân rộng các mô hình du lịch trải nghiệm, du lịch nông thôn; tăng cường phát huy vai trò tự quản, sự tham gia của người dân

<sup>(2)</sup> Đối với kênh mương bằng kênh đất, nhưng vẫn đảm bảo tưới, tiêu trong sản xuất, thì chưa vội kiên cố hóa bằng bê tông; chỉ ưu tiên bê tông hóa các tuyến thật sự bức xúc, thất thoát nước lớn hoặc các tuyến ở vùng cát bãi ngang ven biển.

đối với công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc phòng trên địa bàn nông thôn. Thực hiện hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới ở tất cả các lĩnh vực, các tiêu chí NTM, xây dựng cơ sở dữ liệu về NTM để phục vụ quản lý, điều hành. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới từ tỉnh đến cơ sở để triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung, tiêu chí, chính sách liên quan đến xây dựng NTM (*Chi tiết các nội dung ưu tiên bồi dưỡng, tập huấn theo Phụ lục V đính kèm*).

**8.** Tăng cường thực hiện hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện Chương trình NTM, trong đó: (i) Xem xét, trình HĐND tỉnh có cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho địa phương (huyện, xã) tăng nguồn thu để có đủ nguồn lực đầu tư xây dựng NTM trên địa bàn, kể cả nguồn vay ODA, nguồn thu để lại cho huyện, xã phân đầu NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; (ii) Lồng ghép hiệu quả các Chương trình MTQG và các chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn để thực hiện các mục tiêu xây dựng NTM được phê duyệt; (iii) Thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là bổ sung nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội để ưu tiên hỗ trợ triển khai Chương trình OCOP, hỗ trợ áp dụng công nghệ chế biến vừa và nhỏ trong nông nghiệp, môi trường và nước sạch nông thôn; tiếp tục khuyến khích cho vay ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội. (iv) Đẩy mạnh huy động các nguồn lực khác để xây dựng NTM, nhất là huy động các nguồn lực từ vận động các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế đăng ký hỗ trợ các địa phương (huyện, xã) thực hiện xây dựng NTM và sự tham gia đóng góp của cộng đồng dân cư, người dân trên tinh thần tự nguyện.

**9.** Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã tổ chức rà soát nhu cầu đầu tư một cách cụ thể, thiết thực, phù hợp với quy hoạch, có tính chất lan toả, đảm bảo nguồn lực thực hiện, tránh dàn trải, gây nợ đọng. Xúc tiến các nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để đầu tư hạ tầng quan trọng; tiếp tục cân đối ngân sách tỉnh từ nguồn tăng thu, vượt thu, tiết kiệm chi... báo cáo Thường trực HĐND tỉnh để thống nhất (báo cáo HĐND tỉnh tại cuộc họp gần nhất) để bổ sung thêm cho Chương trình NTM, ưu tiên cho các mục tiêu chưa được cân đối như: Xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu, thôn NTM kiểu mẫu duy trì nâng chuẩn..., tăng mức hỗ trợ cho các nội dung có liên quan và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan, để phân đầu đạt và vượt mục tiêu đề ra.

**10.** Kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 để thống nhất trong chỉ đạo, điều hành lồng ghép nguồn lực. Nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai thực hiện Chương trình NTM. Các Sở, ngành và địa phương đưa các nhiệm vụ của Chương trình NTM vào chương trình công tác hàng năm để triển khai thực hiện, xem nội dung xây dựng NTM là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, liên tục của địa phương và các cơ quan có liên quan.

Củng cố, kiện toàn kịp thời bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp, với **nguyên tắc “chuyên trách, chuyên nghiệp, ổn định, bền vững”** nhưng không làm phát sinh tổng biên chế đã giao, thuận lợi nhất trong công tác tham mưu tổ

chức thực hiện. Cán bộ, công chức, viên chức tham mưu xây dựng NTM phải đủ số lượng, giỏi về chuyên môn, có “*tâm, tầm*” để đáp ứng yêu cầu công việc được giao, tăng cường công chức, viên chức biệt phái để hoàn thành tốt nhiệm vụ ở những thời điểm khối lượng công việc lớn, nhất là những năm cuối phân đầu đạt chuẩn NTM (Chủ tịch UBND cấp huyện căn cứ điều kiện thực tế, tổng biên chế được phân bổ để bố trí công chức, viên chức tham mưu thực hiện Chương trình NTM trên địa bàn). Củng cố Ban Quản lý xã, Ban Phát triển thôn và Ban giám sát cộng đồng để thực hiện tốt xây dựng NTM ở xã, thôn (tùy điều kiện thực tế, Chủ tịch UBND xã bố trí cán bộ theo dõi tổng hợp chung Chương trình NTM); xem yếu tố con người là một trong những khâu quan trọng, then chốt trong xây dựng NTM; đẩy mạnh công tác tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ theo dõi công tác xây dựng nông thôn mới, đặc biệt chú trọng công tác quản lý, thống kê, cập nhật dữ liệu cơ sở, tổng hợp báo cáo kịp thời theo quy định, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý điều hành Chương trình NTM. Tăng cường trao đổi, học tập, chia sẻ kinh nghiệm ở những địa phương có các mô hình hay, để triển khai áp dụng có hiệu quả trên địa bàn từng địa phương. Phân công trách nhiệm cụ thể trong xây dựng NTM cho từng ngành, địa phương để chủ động thực hiện đi vào chiều sâu và thực chất. Các cấp, các ngành cần phát huy tinh thần trách nhiệm, đổi mới phương thức điều hành để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhằm thực hiện Chương trình NTM được hiệu quả.

**11.** Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong giai đoạn mới; đổi mới phương pháp đánh giá trong xây dựng NTM; đồng thời, thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội trong việc xây dựng NTM và lấy ý kiến về mức độ hài lòng của người dân khi xây dựng NTM. Không công nhận đạt chuẩn NTM nếu tỷ lệ hài lòng thấp. Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM cùng với xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, biên phòng toàn dân; không để xảy ra điểm nóng, phức tạp về an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

**12.** Thường xuyên rà soát, củng cố các tiêu chí đã đạt chuẩn; xem xét thu hồi bằng công nhận xã đạt chuẩn NTM nếu các tiêu chí không còn đảm bảo, chậm được duy trì, nâng chuẩn theo quy định và kiểm điểm, điều chỉnh công tác đối với lãnh đạo địa phương nếu không hoàn thành mục tiêu đề ra, nhất là các địa phương phân đầu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025. Tăng cường trách nhiệm, nhiệm vụ và có chế độ phù hợp cho Ban giám sát đầu tư cộng đồng để giám sát hiệu quả Chương trình xây dựng NTM.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành địa phương tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nội dung tại Kế hoạch này; tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Chương

trình NTM hằng năm; tổng hợp theo dõi tình hình thực hiện Chương trình NTM trên địa bàn tỉnh; điều phối các hoạt động về xây dựng NTM từ cấp tỉnh đến cơ sở; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để kiến nghị với UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, giải quyết.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hàng năm theo kế hoạch trung hạn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh cho Chương trình NTM đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trên cơ sở chỉ tiêu phân đấu, nhiệm vụ và nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hàng năm được Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh giao trong Chương trình NTM, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành tỉnh liên quan tham mưu UBND tỉnh về chỉ tiêu, kế hoạch thực hiện Chương trình NTM. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh báo cáo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ khi có nguồn lực bổ sung cho Chương trình NTM hoặc nguồn lực hạn chế.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương rà soát nhu cầu cần lồng ghép đề đề xuất UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo lồng ghép các nguồn vốn cho các địa phương phân đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025, đảm bảo theo mục tiêu đề ra; tham mưu UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ các nguồn dự nguồn, dự phòng hoặc các nguồn ngân sách trung ương phân bổ để thực hiện các Chương trình chuyên đề; Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á theo đúng quy định.

- Xây dựng kế hoạch hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá (*định kỳ hoặc đột xuất*) tình hình thực hiện Chương trình NTM; định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình NTM cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh và Trung ương theo quy định.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh và các Sở, ngành liên quan đề xuất phương án cân đối, lồng ghép các nguồn lực đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn lực khác để bảo đảm nguồn lực thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2025 đã đề ra tại Kế hoạch này; tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình MTQG, giữa các Chương trình MTQG với các chương trình, dự án khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cân đối, tham mưu UBND tỉnh ưu tiên bổ sung thêm nguồn vốn ngân sách tỉnh (vốn đầu tư phát triển) cho Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 (*ngoài số vốn trung hạn ngân sách tỉnh cho Chương trình NTM 2021-2025 được HĐND tỉnh thông qua*) để thực hiện đạt và vượt mục tiêu. Tham mưu cân đối thường công trình phúc lợi cho các huyện đạt chuẩn NTM trong giai đoạn 2021-2025 theo chủ trương của UBND tỉnh tại Thông báo số 180/TB-UBND ngày 18/5/2022 và nguồn lực để hỗ trợ huyện NTM kiểu mẫu Tiên Phước, theo chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 186-TB/TU ngày 16/6/2021.

- Tham mưu, đề xuất bổ sung cơ chế, chính sách quản lý thực hiện Chương trình NTM; phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh và các Sở, ngành liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn đầu tư và các nguồn vốn lồng ghép khác để thực hiện Chương trình NTM hằng năm; thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế chính sách liên quan đến Chương trình NTM thuộc nguồn vốn đầu tư.

### **3. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch 5 năm, hằng năm; tổng hợp, tham mưu phân bổ kinh phí sự nghiệp để bảo đảm hoạt động, nội dung thực hiện của Chương trình NTM hằng năm và 5 năm. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh bố trí vốn trung hạn 5 năm cho Chương trình NTM để thực hiện mục tiêu đã đề ra tại Kế hoạch này.

- Chủ trì hướng dẫn về cơ chế tài chính, thanh quyết toán các nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình NTM thuộc kinh phí sự nghiệp. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế chính sách liên quan đến Chương trình NTM thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp.

- Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp có phát sinh nguồn tăng thu, vượt thu, tiết kiệm chi..., Sở Tài chính chủ trì, xây dựng phương án phân bổ báo cáo UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến, sau đó tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất. Trong đó, ưu tiên bổ sung nguồn lực cho Chương trình NTM (*ngoài số vốn trung hạn từ ngân sách tỉnh cho Chương trình NTM 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua*), nhất là tập trung cho các mục tiêu, nội dung chưa được cân đối như: Xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu, huyện NTM kiểu mẫu, thôn duy trì, nâng chuẩn..., tăng mức hỗ trợ cho các nội dung có liên quan và thực hiện các nhiệm vụ khác để xây dựng NTM đảm bảo đi vào chiều sâu, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu đề ra.

### **4. Sở Nội vụ**

- Phối hợp với Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, quy định cụ thể về tiêu chuẩn, hình thức để phát động phong trào thi đua “Quảng Nam chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh kiện toàn Văn phòng Điều phối NTM tỉnh theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương kiện toàn Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương (*nhất là đối với địa phương đồng thời triển khai cả 03 Chương trình MTQG, địa phương triển khai 02 Chương trình MTQG và địa phương chỉ triển khai 01 Chương trình MTQG xây dựng NTM*).

### **5. Ban Dân tộc tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, bố trí nguồn lực cho các xã đặt biệt khó khăn phấn đấu đạt chuẩn NTM giai

đoạn 2021-2025 và xã phân đầu không còn xã dưới 15 tiêu chí thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi để thực hiện quy hoạch NTM và các tiêu chí NTM đảm bảo đạt mục tiêu đề ra. Theo dõi, đôn đốc các huyện trong việc lồng ghép nguồn lực để thực hiện mục tiêu NTM.

### **6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn lực từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững để lồng ghép thực hiện các tiêu chí NTM đảm bảo đạt mục tiêu đề ra; hướng dẫn các địa phương đầu tư các công trình kết nối liên xã trong nội dung đầu tư của huyện nghèo, ưu tiên kết nối hạ tầng ở các xã, thôn phân đầu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025. Hướng dẫn các huyện nghèo ưu tiên sử dụng nguồn lực để thực hiện dần các tiêu chí NTM cấp huyện.

### **7. Sở Xây dựng**

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc ủy quyền cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh hoặc UBND cấp huyện ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với các công trình đầu tư đặc thù theo Điều 14, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

- Hướng dẫn khung đơn giá và lập dự toán công trình, dự án đầu tư xây dựng có sự tham gia thực hiện của cộng đồng người dân.

### **8. Sở Công Thương**

- Hướng dẫn việc lập dự toán, thẩm định, tổ chức thực hiện, thi công về di dời trụ điện, trụ viễn thông; làm việc với các Công ty Điện lực, viễn thông (các chủ sở hữu) để thống nhất mức đối ứng, các nội dung hỗ trợ của các chủ sở hữu và các nội dung có liên quan trong hỗ trợ di dời trụ điện, trụ viễn thông sau khi mở rộng đường trong xây dựng nông thôn mới.

- Chỉ đạo, thực hiện hiệu quả tiêu chí số 4 về điện trong xây dựng NTM.

### **9. Các Sở phụ trách các tiêu chí NTM và các Sở, Ban, ngành liên quan**

- Tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

- Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung tiêu chí thuộc lĩnh vực ngành quản lý (theo Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh); hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương thực hiện Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025 theo lĩnh vực được phân công; ưu tiên bố trí nguồn lực và lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án/đề án mà đơn vị đang quản lý để hỗ trợ, đầu tư xây dựng ở các địa phương phân đầu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021 -2025 nhằm đạt mục tiêu đề ra.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra cơ sở, địa bàn được phân công phụ trách; chủ động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, nhiệm vụ, nội dung thành phần được phân công chủ trì; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện gửi Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh.

- Tham mưu, đề xuất bổ sung cơ chế, chính sách quản lý thực hiện Chương trình NTM theo chức năng nhiệm vụ được UBND tỉnh, Trưởng Ban

Chỉ đạo tỉnh giao; hướng dẫn xây dựng kế hoạch; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện các nội dung thành phần thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, gửi Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Văn phòng Điều phối NTM tỉnh) để tổng hợp kế hoạch chung theo quy định.

### **10. Các đơn vị liên quan tham gia thực hiện Chương trình NTM**

- Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh theo phân công của UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh; có trách nhiệm lồng ghép các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực ngành phụ trách gắn với nhiệm vụ xây dựng NTM.

- Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Nam, Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội Quảng Nam chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai, thực hiện các chương trình, chính sách tín dụng liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; cho vay xây dựng NTM. Phối hợp các Sở, ngành và địa phương thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn góp phần thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM.

- Đề nghị các cơ quan thông tin truyền thông có trách nhiệm thường xuyên cập nhật, thông tin đầy đủ về hoạt động xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

+ Tiếp tục tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM. Phát huy hơn nữa tinh thần đoàn kết, sáng tạo tự quản của Nhân dân trong xây dựng NTM, đẩy mạnh hoạt động giám sát, phản biện xã hội về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

+ Tiếp tục vận động nguồn lực xã hội phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại, nâng cao đời sống cư dân nông thôn đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới. Đồng thời, tổ chức và hướng dẫn lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng NTM, giúp cho cấp uỷ, chính quyền và các ngành chức năng đánh giá, kiểm chứng kết quả xây dựng NTM ở từng địa phương, cơ sở.

+ Xây dựng kế hoạch và phối hợp tổ chức thực hiện các phong trào thi đua, tuyên truyền xây dựng NTM trong toàn tỉnh. Phối hợp với UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

+ Căn cứ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức để chủ động tham mưu, đề xuất với cấp uỷ, chính quyền giao nhiệm vụ chủ trì vận động thực hiện một số công trình, phần việc cụ thể của từng tiêu chí trong Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025.

+ Theo dõi, phát hiện đánh giá các mô hình làm tốt, kinh nghiệm hay, cách làm có hiệu quả để bồi dưỡng phổ biến, nhân rộng. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”, “Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền



vững” và cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng NTM.

### **11. Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã**

- Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 của địa phương; tham mưu Huyện ủy/Thị ủy/Thành ủy ban hành Nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn; chủ động kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp huyện, Ban Chỉ đạo xã và bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo cấp huyện; phối hợp với các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh tổ chức tốt công tác tuyên truyền với nhiều hình thức đa dạng về Chương trình NTM trên địa bàn; định kỳ tổng hợp, báo cáo kịp thời tình hình, tiến độ và kết quả xây dựng nông thôn mới của địa phương về UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh (*qua Văn phòng Điều phối NTM tỉnh*).

- Xây dựng, trình HĐND cấp huyện phê duyệt danh mục chi tiết công trình đầu tư công trung hạn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, đảm bảo hiệu quả, chất lượng, hạn chế đầu tư dàn trải, không để xảy ra lãng phí trong đầu tư, nợ đọng xây dựng cơ bản, huy động quá sức trong dân. Đồng thời, tránh chồng chéo, trùng lặp địa bàn, phạm vi, đối tượng đầu tư với 02 Chương trình MTQG còn lại theo chỉ đạo trung ương.

- Chỉ đạo và phân công các Phòng, ban cấp huyện trực tiếp hỗ trợ các xã, thôn để triển khai thực hiện Chương trình NTM hiệu quả; tập trung nguồn lực từ ngân sách cấp huyện, lồng ghép các chương trình, dự án và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để ưu tiên hỗ trợ, đối ứng cho các xã, thôn để phấn đấu đạt chuẩn NTM theo thời gian, lộ trình đề ra. Có giải pháp, kế hoạch khai thác quỹ đất để có nguồn lực đối ứng và bổ sung cho xây dựng NTM; thực hiện tốt việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong xây dựng NTM.

- Tham mưu Hội đồng nhân dân cấp huyện căn cứ vào tỷ lệ hỗ trợ tại Đề án này để quy định tỷ lệ đối ứng ngân sách cấp mình và cấp xã cho từng nội dung cụ thể; bố trí ngân sách cấp mình để thực hiện đối với các chỉ tiêu, tiêu chí chưa có nguồn lực; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung Kế hoạch này và việc sử dụng kinh phí xây dựng NTM tại địa phương bảo đảm đúng mục đích, có hiệu quả, theo đúng quy định.

- Căn cứ số trung hạn từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 và dự toán kinh phí từng nguồn (ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh) được giao hằng năm, UBND cấp huyện bố trí kinh phí cho từng nội dung, công việc cụ thể theo tỷ lệ, định mức quy định (có thể bố trí tỷ lệ ngân sách cấp huyện, xã lớn hơn tỷ lệ ngân sách Trung ương, tỉnh nếu địa phương quyết định xây dựng theo quy mô lớn, nhưng tuyệt đối không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM trái quy định, không có khả năng thanh toán). Chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư các nội dung, công trình trong Chương trình NTM theo phân cấp và chịu trách nhiệm giải trình với các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán liên quan.

- UBND các huyện có đối tượng đầu tư của 02 Chương trình MTQG: Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi, Chương trình MTQG giảm nghèo tập trung ưu tiên dùng nguồn vốn được giao từ 02 Chương trình này để thực hiện quy hoạch NTM và các tiêu chí NTM theo Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025 đảm bảo đạt mục tiêu đề ra.

- Chỉ đạo các xã khẩn trương tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, Đề án/kế hoạch xây dựng NTM, Đề án phát triển kinh tế nông thôn tổng hợp 5 năm cho phù hợp với thực tế và thời gian đã đăng ký đạt chuẩn để trình UBND cấp huyện phê duyệt hoặc điều chỉnh, bổ sung để thực hiện; kiện toàn Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, Ban Phát triển thôn theo quy định tại Điều 26, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP để đáp ứng nhiệm vụ ngày càng cao; xây dựng Kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đạt chuẩn các tiêu chí NTM từng năm cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng xã và điều kiện nguồn lực, trong đó cần xác định các công trình đầu tư theo thứ tự ưu tiên trong cả giai đoạn, làm cơ sở để cân đối bố trí nguồn lực để tăng hiệu quả đầu tư. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng đúng mục đích và hiệu quả các nguồn vốn được cấp cho xây dựng NTM. Thực hiện công khai, dân chủ các nội dung, kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã để người dân biết, dân bàn và tham gia thực hiện. Ưu tiên cho cộng đồng, tổ nhóm thợ tham gia thực hiện các công trình đặc thù.

- Tăng cường vận động, khuyến khích người dân tham gia, đóng góp xây dựng nông thôn mới theo hình thức tự nguyện, không huy động quá sức dân. Tăng cường vận động các doanh nghiệp, đăng ký hỗ trợ địa phương thực hiện xây dựng nông thôn mới.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025, đề nghị các Sở, Ban, ngành, Hội đoàn thể và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (qua Văn phòng Điều phối NTM tỉnh) để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.